



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 27 + 28

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

09-02-2021- Quyết định số 478/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Phát triển ngành Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2035”.

(Tiếp theo Công báo số 25 + 26)

PHẦN THỨ TƯ:
CÁC GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN
NGÀNH TDTT TP. HCM

I. CÁC GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGÀNH TDTT TP. HỒ CHÍ MINH:

1. Giải pháp về công tác tổ chức, xây dựng hệ thống chính trị:

- củng cố, kiện toàn bộ máy, cán bộ lãnh đạo ngành TDTT có trình độ, năng lực quản lý chuyên ngành.

- Điều chuyển, phân công bố trí lại nhân sự chuyên ngành, hợp lý tại các phòng, bộ môn; đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp (cả ở quận-huyện và TP).

- Xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Liên đoàn, Hội thể thao trong hoạt động phối hợp với Sở VHTT và các đơn vị trực thuộc.

- Kiện toàn bộ máy quản lý huấn luyện, đào tạo VĐV cấp cao.

- Phối hợp với các Ban Đảng Thành ủy (Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận) và Thành Đoàn Thanh niên Cộng sản xây dựng đề án phát triển đảng viên, đoàn viên trong lực lượng HLV, VĐV Thể thao TP.

- Trên cơ sở hệ thống giải pháp, Đề án xây dựng các chương trình và dự án cụ thể được phân bổ theo từng giai đoạn và suốt cả giai đoạn.

Bảng chương trình dự án phân bổ theo từng giai đoạn.

STT	Các điều kiện đảm bảo	2020	2025	2030	2035
1	Hoàn thiện chế độ chính sách cho các hoạt động thể thao mang tính đặc thù		x	x	

2. Giải pháp phát triển TDTT cho mọi người.

2.1. Các giải pháp và chính sách phát triển TDTT quần chúng:

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, chính quyền từ TP đến quận, huyện đối với hoạt động TDTT quần chúng; xây dựng chương trình phát triển từng nội dung, gồm:

+ TDTT cho công nhân.

+ TDTT cho công chức, viên chức.

+ TDTT cho người cao tuổi.

+ TDTT cho người khuyết tật.

+ Thể thao giải trí cho các đối tượng lao động.

- Kế hoạch hóa công tác TDTT quần chúng và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hàng năm; xây dựng các nội dung hoạt động TDTT quần chúng có tính cân đối, khoa học và hệ thống từ cơ sở xã, phường đến quận, huyện; vận dụng phương pháp kiểm tra khoa học về người tập luyện TDTT thường xuyên hàng năm để tính toán số liệu thực tế, qua đó điều chỉnh chỉ tiêu phát triển người tập luyện TDTT thường xuyên và gia đình thể thao.

- Thông qua cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”, tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về rèn luyện thân thể trong khu dân cư. Có chính sách cụ thể phát triển TDTT cho các huyện ngoại thành để rút ngắn khoảng cách phát triển với khu vực trung tâm TP nhằm đưa TDTT quần chúng của TP.HCM lên tầm cao mới.

- Tăng cường quy hoạch xây dựng và quản lý cơ sở hạ tầng TDTT công cộng:

+ Đẩy mạnh quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng TDTT công cộng trọng điểm tại các quận, huyện, phường xã, khu phố, tạo nên mạng lưới cơ sở hạ tầng TDTT thuận tiện phục vụ cho việc tập luyện hàng ngày của nhân dân TP.

+ Đưa các hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng TDTT vào quy hoạch chung của TP và quy hoạch chỉ tiêu sử dụng đất dành cho TDTT để nhà nước các cấp có thẩm quyền ban hành và thực hiện.

+ Xây dựng các trung tâm, khu tập luyện đa năng trong khu dân cư với các trang thiết bị đơn giản, tiện lợi phục vụ việc rèn luyện thân thể của các đối tượng quần chúng. Những công viên, khuôn viên cây xanh hay quảng trường có đủ điều kiện đều phải có cơ sở trang thiết bị tập luyện.

+ Đảm bảo kinh phí xây dựng, tăng mức kinh phí đầu tư cho các huyện ngoại thành. Kêu gọi nguồn lực xã hội tham gia vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng TDTT công cộng, phục vụ lợi ích công. Nghiên cứu xây dựng các tiêu chuẩn và quy phạm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu suất xây dựng cơ sở hạ tầng TDTT công cộng.

- Đổi mới tư duy, đẩy mạnh việc mở cửa các công trình thể thao lớn, nhà thi đấu, nhà tập... cho người dân vào tập luyện. Xây dựng và thực hiện chính sách mở cửa các công trình TDTT để phục vụ nhân dân của các cấp quản lý, cơ quan chức năng có liên quan; đưa ra các chế độ và cơ chế phục vụ bằng các điều kiện cụ thể như hỗ trợ tài chính, mức thu phí, trách nhiệm chuyên môn và quản lý, mở rộng phạm vi hoạt động...

- Tích cực phát triển và mở rộng bộ máy TDTT cấp cơ sở; hình thành hệ thống các tổ chức hiệp hội, hội thể thao và các câu lạc bộ thể dục, thể thao cho mọi người.

Hình thành mạng lưới tổ chức tập luyện TDTT rộng khắp với các nội dung hoạt động phong phú, những quy phạm mở rộng, đổi mới, tạo nên sức sống mang tính xã hội hóa của TDTT quần chúng.

- Tăng cường xây dựng và đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, công tác viên TDTT; tích cực triển khai, mở rộng lực lượng tình nguyện viên phục vụ nhu cầu tập luyện của nhân dân. Hoàn thiện chế độ và các quy định cho hướng dẫn viên, công tác viên cơ sở; có cơ chế khen thưởng, biểu dương, đầu tư kinh phí, tạo mọi điều kiện cho đội ngũ hướng dẫn viên, công tác viên, tình nguyện viên TDTT hoạt động có tổ chức, phân bố phù hợp, bao trùm từ thành thị đến nông thôn. Tổ chức phong trào phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục, thể thao quần chúng thông qua hoạt động tình nguyện của các vận động viên cấp cao, các huấn luyện viên và những người có nhiệt huyết tham gia trực tiếp làm nghĩa vụ hỗ trợ, hướng dẫn.

- Mở rộng việc triển khai, tổ chức các cuộc thi đấu thể thao quần chúng để thu hút và động viên nhiều người thuộc các ngành nghề khác nhau tham gia rèn luyện thân thể. Không ngừng đổi mới nội dung và hình thức hoạt động TDTT quần chúng; tổ chức nhiều hoạt động thi đấu thể thao ở các cấp độ khác nhau và nhiều loại hình khác nhau. Thông qua định kỳ tổ chức Đại hội TDTT toàn quốc, tổ chức các hoạt động thi đấu tổng hợp tại địa phương; chú trọng việc tổ chức hoạt động thi đấu TDTT quần chúng phải thu hút sự tham dự, giao lưu, rèn luyện và giải trí. Tổng kết kinh nghiệm, mở rộng và phát triển các mô hình tổ chức thi đấu mang tính chất sự kiện thể thao quần chúng.

- Tăng cường sự lãnh đạo và tổ chức triển khai các hoạt động TDTT cho cựu chiến binh, người cao tuổi, người khuyết tật; phát huy vai trò của các tổ chức cựu chiến binh, người cao tuổi, người khuyết tật trong tổ chức, tuyên truyền vận động nhiều người tham gia hoạt động TDTT. Tăng cường chỉ đạo và phục vụ cho hoạt động TDTT của các đối tượng trên; mở rộng các điều kiện khuyến khích để thu hút nguồn kinh phí phục vụ các hoạt động TDTT cho cựu chiến binh, người cao tuổi và đặc biệt cho người khuyết tật. Tổ chức các hoạt động TDTT vì sức khỏe để khuyến khích, thu hút các đối tượng là công nhân lao động ở các khu công nghiệp, người có hoàn cảnh khó khăn, người thất nghiệp thông qua sự phối hợp của các cơ quan thuộc nhà nước, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp.

- Thông qua việc tổ chức triển khai Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2020 - 2035 tiến hành đánh giá thể chất và hướng dẫn việc tập luyện nâng cao thể chất cho các đối tượng quần chúng; tuyên truyền, giới thiệu những kiến thức khoa học về rèn luyện TDTT và các phương pháp tập luyện khoa

học. Tăng cường công tác thống kê, giám sát tình trạng phát triển TDTT quần chúng để hoàn thiện các văn bản liên quan để nâng cao thể chất nhân dân ở TP.HCM.

- Trên cơ sở hệ thống giải pháp, Đề án xây dựng các chương trình và dự án cụ thể được phân bố theo từng giai đoạn và suốt cả giai đoạn.

Bảng chương trình dự án phân bố theo từng giai đoạn.

TT	Năm	2020	2025	2030	2035
	Các chương trình				
A	VỀ TDTT cho mọi người				
1	Chương trình phát triển TDTT cho CB, CC,VC, NLĐ	x	x		
2	Chương trình phát triển TDTT cho người cao tuổi	x	x		
3	Chương trình phát triển TT giải trí		x	x	
4	Xây dựng chương trình phát triển khuyết tật; TT dân tộc	x	x		
5	Chương trình đào tạo bồi dưỡng cho các HLV, HDV cơ sở (đào tạo lại)	x	x	x	x
6	Xây dựng và hoàn thiện chương trình thiết chế văn hóa thể dục thể thao cơ sở (nông thôn mới)	x	x		
7	Các Dự án đầu tư cơ sở vật chất cho TDTT quần chúng (cụm dân cư)	x	x	x	x

2.2. Các giải pháp và chính sách phát triển giáo dục thể chất và Thể thao trong nhà trường:

- Đổi mới nhận thức về giáo dục thể chất và Thể thao trong nhà trường trên cơ sở đó hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý, phối hợp và phân công trách nhiệm, chỉ đạo thực hiện của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các liên đoàn hiệp hội của TP.

- Mạnh dạn đề xuất, nghiên cứu, thử nghiệm nội dung giảng dạy thể dục chính khóa trên cơ sở chương trình khung chuẩn của từng cấp học theo hướng coi trọng và nâng cao chất lượng giờ học thể dục trong tất cả các trường; tập trung phát triển các hoạt động tập luyện, thi đấu TDTT ngoại khóa một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi trường; có kế hoạch phối hợp giữa Trung tâm TDTT quận, huyện và các trường học tổ chức tập luyện, thi đấu TDTT ngoại khóa cho học sinh và giáo viên; có chính sách khuyến khích học sinh, sinh viên, gia đình, các tổ chức xã hội ủng hộ, tự nguyện tham gia để tăng nhanh số lượng trường học đạt mức độ tốt trong thực hiện công tác giáo dục thể chất và Thể thao trong nhà trường.

- Phổ cập dạy và học bơi đối với học sinh hệ phổ thông và mầm non; đảm bảo 100% trường phổ thông đưa môn bơi vào chương trình ngoại khóa.

- Tăng cường xây dựng hệ thống câu lạc bộ TDTT trường học làm đơn vị cơ sở và được coi là tế bào của hệ thống giáo dục thể chất thanh thiếu niên. Nghiên cứu thành lập các trung tâm TDTT ngoại khóa cho học sinh, sinh viên để thu hút ngày càng nhiều thanh, thiếu niên tham gia vào hoạt động TDTT, từ đó nâng cao sức khỏe của những công dân tương lai và phát hiện tài năng thể thao.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện công tác đào tạo đội ngũ giáo viên TDTT cho hệ thống trường học các cấp theo phương châm mở rộng và đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên TDTT, đảm bảo tăng nhanh về số lượng và chất lượng, phấn đấu đến năm 2025 đủ giáo viên chuyên trách TDTT cho các trường.

- Cải tiến hệ thống thi đấu Thể thao trong nhà trường các cấp; đổi mới nội dung, hình thức tổ chức Hội khỏe Phù Đổng TP các cấp cho phù hợp với nhu cầu và điều kiện phát triển ở TP.HCM, đảm bảo thu hút đông đảo học sinh, sinh viên tham gia thi đấu trong từng cấp học, đồng thời tuyển chọn tài năng thể thao cho TP và quốc gia.

- Diện tích đất dùng cho các công trình TDTT ở các trường học, ưu tiên đầu tư cho các huyện ngoại thành; xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng và sử dụng liên thông hệ thống cơ sở vật chất TDTT giữa các trường trong khu vực địa giới, giữa các

trường với các Trung tâm TDTT của quận, huyện. Kết hợp đẩy mạnh công tác xã hội hóa để thu hút các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đầu tư vào cơ sở vật chất TDTT ở các trường học. Thực hiện chính sách ưu đãi về đất đai theo quy định pháp luật đối với trường tư thục, trường dân lập để các trường này có điều kiện xây dựng cơ sở vật chất TDTT.

- Ban hành các văn bản về chế độ, chính sách thích hợp để đảm bảo việc chuẩn hóa các điều kiện hoạt động TDTT ở các trường về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, kinh phí cho mỗi học sinh phù hợp với điều kiện phát triển ở TP.HCM.

- Trên cơ sở hệ thống giải pháp, Đề án xây dựng các chương trình và dự án cụ thể được phân bố theo từng giai đoạn và suốt cả giai đoạn.

Bảng chương trình dự án phân bố theo từng giai đoạn.

B	Công tác giáo dục thể chất thể dục thể thao trường học				
1	Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên thể dục thể thao ở bậc mầm non và tiểu học (đào tạo lại)	x	x	x	x
2	Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên thể dục thể thao ở bậc THCS và THPT (đào tạo lại)	x	x	x	x
3	Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho giảng viên thể dục thể thao ở bậc Trung học chuyên nghiệp, CĐ và ĐH (đào tạo lại)	x	x	x	x
4	Xây dựng chương trình các môn học tự chọn mang tính hệ thống cho các đối tượng giáo viên của từng cấp học.	x	x		
5	Chương trình đào tạo bồi dưỡng giáo viên cho các CLB ngoại khóa trường học			x	x
6	Xây dựng chương trình phát triển thể trạng và tầm vóc cho lứa tuổi học sinh bằng vận động và dinh dưỡng	x	x	x	x
7	Dự án phát triển cơ sở vật chất cho các trường ở từng cấp học	x	x	x	x

2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động trong lực lượng vũ trang.

a) Phát triển TDTT trong Quân đội nhân dân:

- Từ năm 2020 - 2035 kiện toàn, củng cố hệ thống tổ chức, biên chế, kiến thức nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp trung đoàn, sư đoàn và tương đương trở lên đủ khả năng tổ chức và điều hành công tác huấn luyện thể lực, hoạt động TDTT theo tiêu chuẩn quy định.

- Hướng dẫn và kiểm tra tổ chức rèn luyện trong giờ Thể thao buổi chiều cho mọi đối tượng trong độ tuổi quy định, nhất là hạ sĩ quan, binh sĩ. Tăng cường kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thể lực.

- Xây dựng các đơn vị (cấp trung đoàn) giỏi về huấn luyện thể lực và hoạt động TDTT; tổ chức các cuộc hội thao quốc phòng và thi đấu TDTT quần chúng; chú trọng nghiên cứu những nội dung tập luyện TDTT mang tính đặc thù của phi công, hạm đội tàu, bộ đội thông tin, bộ đội ra đa tên lửa, bộ đội tăng thiết giáp.

b) Phát triển TDTT trong Công an nhân dân:

- Tăng cường rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn và hoạt động TDTT bắt buộc đối với mọi cán bộ chiến sĩ Công an nam 18 - 45 tuổi; nữ từ 18 - 35 tuổi;

- Tăng cường tập luyện võ thuật, bắn súng quân dụng. Tăng cường tập luyện bơi lội đối với lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy và một số lực lượng phải công tác trong môi trường sông nước;

- Rèn luyện thể thao kỹ thuật nghiệp vụ chữa cháy đối với lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy;

- Không ngừng phát triển hệ thống các câu lạc bộ TDTT, tạo thuận lợi cho cán bộ, chiến sĩ được tập luyện TDTT thường xuyên.

- Trên cơ sở hệ thống giải pháp, Đề án xây dựng các chương trình và dự án cụ thể được phân bổ theo từng giai đoạn và suốt cả giai đoạn.

Bảng chương trình dự án phân bổ theo từng giai đoạn.

C	Lực lượng vũ trang				
1	Chương trình phát triển thể lực trong lực lượng vũ trang “khỏe để xây dựng và bảo vệ tổ quốc”	x	x	x	x
2	Xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá về thể lực của lực lượng vũ trang trong tình hình mới	x	x		
3	Hoàn thiện chương trình các môn quân sự phối hợp trong lực lượng vũ trang		x		
4	Dự án phát triển cơ sở vật chất trong lực lượng vũ trang (Quân đội; Công an)	x	x	x	x

3. Các giải pháp và chính sách phát triển Thể thao thành tích cao.

Tối ưu hóa kết cấu các môn Thể thao, thúc đẩy sự phát triển cân bằng của Thể thao thành tích cao:

- Duy trì, củng cố 20 môn Thể thao trọng điểm, thế mạnh của TP; tập trung phát triển các môn Thể thao tiềm năng để trở thành các môn mới giành huy chương vàng ở các Đại hội Thể thao khu vực, châu lục và thế giới.

- Tăng mức đầu tư và đổi mới cơ chế, chính sách đối với các môn cơ bản như Điền kinh, Bơi lội, Thể dục và các môn bóng; nỗ lực nâng cao trình độ các môn thể thao còn yếu kém, lạc hậu.

- Xây dựng chủ trương, chính sách cụ thể để khuyến khích các quận, huyện phát triển có trọng tâm các môn Thể thao phù hợp với đặc điểm của quận, huyện; hình thành nên các môn thể thao ưu thế và đặc sắc của mỗi quận, huyện.

- Chuyên nghiệp hóa các môn Thể thao đã được quy hoạch; phát triển các câu lạc bộ chuyên nghiệp và chuyển giao cho các đơn vị kinh tế quản lý.

• Giải pháp đối với các môn trọng điểm:

a) Xây dựng lực lượng theo lộ trình thống nhất, đánh giá hiệu quả tối ưu về công tác tuyển chọn lực lượng, chất lượng đào tạo và khả năng phát triển.

b) Rà soát, bổ sung quy hoạch lực lượng các môn Thể thao trọng điểm đã và đang có những VĐV có thành tích, đẳng cấp quốc tế để tiếp tục đầu tư chuyên biệt, hướng đến mục tiêu đạt thành tích cao; xây dựng những tấm gương điển hình về tài năng Thể thao, tạo hiệu ứng tích cực đối với công tác đào tạo TTTTC, tạo sự ủng hộ của xã hội.

c) Đối với các môn thể thao trọng điểm mang tính chuyên nghiệp (Bóng đá, Bóng chuyền, Xe đạp...)

- Xác định lộ trình thực hiện chuyên nghiệp hóa, tranh thủ nguồn lực xã hội để chăm lo cho việc phát triển Thể thao thành tích cao.

- Xác lập mối quan hệ giữa quản lý bộ môn và tổ chức xã hội nghề nghiệp, nâng cao nhận thức về quản lý và định hướng đối với các môn thể thao chuyên nghiệp.

- Tập trung đầu tư lực lượng trẻ mang tính kế thừa, đào tạo cơ bản mang tính khoa học và chuyên nghiệp, tạo đầu ra có chất lượng cao.

d) Đối với các môn thể thao bán chuyên nghiệp (Quần vợt, Cầu lông, Bóng bàn...):

- Tận dụng cơ sở vật chất và HLV sẵn có, kết hợp với sự đầu tư từ gia đình, cá nhân và tổ chức xã hội để phát hiện, tuyển chọn và bồi dưỡng tài năng Thể thao.

- Chú trọng phát hiện và đào tạo các VĐV năng khiếu, đầu tư có trọng điểm đối với các VĐV đủ trình độ tham gia các giải hệ thống quốc tế.

e) Đối với các môn Thể thao trọng điểm khác (Điền kinh, Bơi lội, Thể dục, Taekwondo, Judo...):

- Đầu tư trọng điểm ở các nội dung thể mạnh truyền thống, đầu tư mang tính chuyên biệt cá nhân, chế độ ưu đãi đi đôi với thành tích đạt được.

- Đồng bộ, khoa học công tác tuyển chọn VĐV, nâng chất HLV, giáo dục tư tưởng VĐV.

3.1. Hoàn thiện và phát huy vai trò chủ đạo của nhà nước để phát triển Thể thao thành tích cao ở TP.HCM.

- Điều tiết tốt mối quan hệ giữa trung ương, TP, quận, huyện và các Liên đoàn, Hội Thể thao để phát triển cân đối các môn Thể thao thành tích cao và các môn Thể thao chuyên nghiệp ở TP.HCM.

- Xây dựng cơ chế phối hợp với các Trung tâm thể thao quận, huyện trong định hướng phát triển từng môn Thể thao.

- Tăng cường phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan mật thiết đến sự phát triển ngành sau đây: Sở Giáo dục - Đào tạo, Trường Đại học TDTT TP.HCM, Trung tâm Huấn luyện Quốc gia TP.HCM, Trường Đại học Sư phạm TDTT TP.HCM, Viện Khoa học TDTT, Vụ hợp tác quốc tế, Hội Y học TDTT TP.HCM, Bệnh viện 115, Trung tâm Dinh dưỡng TP.HCM, các chuyên gia (TS, PTS) thuộc các lĩnh vực chuyên ngành TDTT.

3.2. Xây dựng kế hoạch cụ thể, chỉ tiêu khả thi để tham gia Đại hội Thể thao Đông Nam Á, châu Á và Olympic:

Tăng cường tổ chức chỉ đạo công tác chuẩn bị, phối hợp theo sự phân cấp với những nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm rõ ràng; vận hành hiệu quả hệ thống tổ chức quản lý trong công tác chuẩn bị một cách khoa học, trình tự để luôn hướng đến thành tích huy chương vàng tại các Đại hội thể thao, đặc biệt là Đại hội Olympic.

Giải pháp về công tác chuyên môn:

- Thực hiện tập trung đầu tư 16 đến 20 môn Thể thao trọng điểm, đặc biệt là các môn Olympic; phân loại và xác định rõ ba nhóm: Thể thao chuyên nghiệp, Thể thao bán chuyên nghiệp và Thể thao nghiệp dư để có giải pháp đầu tư phù hợp.

- Đánh giá lại hiệu quả của Chương trình đào tạo VĐV thể hệ vàng, trên cơ sở đó xây dựng mới và ban hành quy chế thực hiện kế hoạch đào tạo các VĐV chuyên biệt ở các môn Thể thao trọng điểm (cả đào tạo trong nước và nước ngoài).

- Thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực của Thể thao TP đến năm 2035. Xây dựng hệ thống đào tạo VDV gồm hai hệ thống chiến lược:

+ Phục vụ thi đấu trình độ quốc gia, khu vực;

+ Phục vụ những tài năng Thể thao chuyên biệt đạt huy chương châu Á, thế giới và Olympic.

- Xây dựng quy chế tuyển chọn chặt chẽ, đảm bảo tính công bằng và mở rộng đối tượng tuyển chọn.

- Hình thành đội ngũ HLV, VDV tài năng ở các môn trọng điểm (200 VDV triển vọng, ưu tiên cho VDV 16-20 môn trọng điểm) có chế độ đầu tư cao, chuẩn bị cho giai đoạn giành huy chương trẻ ASEAN, trẻ Olympic, ASIAD và Olympic.

3.3. Đổi mới công tác quản lý và huấn luyện các đội dự tuyển và đội tuyển TP.

- Hoàn thiện, nâng cao các chế độ chính sách cho các đội dự tuyển và đội tuyển TP.

- Đổi mới cơ chế quản lý các đội dự tuyển và đội tuyển TP một cách khoa học; xây dựng, đào tạo đội ngũ quản lý đội tuyển phù hợp theo đặc điểm thực tế của từng môn và nhóm môn thể thao; phát huy tác dụng chủ đạo của huấn luyện viên trưởng và triển khai thực hiện quy chế giám sát huấn luyện đối với các VDV của TP theo quy định.

- Khuyến khích và mạnh dạn giao cho các quận, huyện, các câu lạc bộ có đủ năng lực đứng ra đảm nhận trách nhiệm tổ chức quá trình tập luyện của các đội dự tuyển TP.

3.4. Xây dựng hệ thống đào tạo nhân tài Thể thao.

- Xây dựng kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn nguồn nhân lực Thể thao kế cận cho các nhóm môn thể thao được quy hoạch, đặc biệt là các môn Thể thao trọng điểm, các môn Olympic.

- Xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân tài kế cận theo chu kỳ Olympic; hoàn thiện các chế độ, chính sách liên quan đến công tác giáo dục, giáo dưỡng đội ngũ nhân tài Thể thao.

- Xây dựng và triển khai quy chế tuyển chọn tài năng Thể thao.

- Mở rộng không gian tìm kiếm và phát hiện nhân tài Thể thao, đặc biệt là trong các trường học; kết hợp mô hình nhà trường-gia đình-xã hội để đào tạo thành nhân tài Thể thao.

- Xây dựng hệ thống liên kết các câu lạc bộ thể dục, thể thao trường học, các Liên đoàn, Hội Thể thao và tư nhân..., để đào tạo các tài năng thể thao kế cận.

- Hoàn thiện hệ thống thi đấu các lứa tuổi thanh thiếu niên; tăng cường công tác lưu trữ, phân tích thông tin của các tài năng thể thao.

3.5. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ huấn luyện viên và trọng tài.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo huấn luyện viên, trọng tài của TP; nâng cao toàn diện năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và tố chất tổng hợp của huấn luyện viên, trọng tài thể thao đạt trình độ quốc gia và quốc tế.

- Quản lý chặt chẽ đội ngũ huấn luyện viên, trọng tài các cấp; cải cách, hoàn thiện thể chế, cơ chế để phát huy vai trò quản lý của các liên đoàn, hội thể thao đối với đội ngũ huấn luyện viên, trọng tài.

3.6. Tăng cường giáo dục văn hóa và bảo đảm an sinh xã hội cho vận động viên.

- Áp dụng các phương pháp hiệu quả để nâng cao trình độ và chất lượng giáo dục văn hóa cơ sở, đảm bảo việc học tập văn hóa của VĐV phù hợp với đặc điểm thời gian học văn hóa không ổn định, phải phụ thuộc vào yêu cầu tập luyện và thi đấu của VĐV.

- Hoàn thiện các chính sách ưu tiên cho VĐV ưu tú khi giải nghệ.

- Hoàn thiện, xây dựng mới các chế độ, chính sách khen thưởng và bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ quyền lợi thiết thực cho VĐV; bảo đảm VĐV được hưởng các đãi ngộ về việc làm sau khi thi đấu, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

- Xây dựng cơ chế chính sách trợ cấp kinh tế cho các VĐV; khuyến khích VĐV sau khi giải nghệ được công tác trong ngành TDTT; xây dựng hệ thống hỗ trợ xã hội cho các VĐV gặp khó khăn, chấn thương...

Giải pháp về chế độ, chính sách:

- rà soát, bổ sung chế độ lương, thưởng cho HLV trong nước có trình độ, năng lực đáp ứng được yêu cầu đào tạo, huấn luyện VĐV giỏi. Điều chỉnh chế độ dinh dưỡng, tiền lương, tiền công, tiền thưởng tương xứng cho lực lượng thể thao thành tích cao.

3.7. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng và phẩm chất đạo đức cho các vận động viên:

Tập trung giáo dục lý tưởng, lòng tin với mục tiêu cao nhất là lợi ích quốc gia, lòng yêu nước; bồi dưỡng cho các cán bộ quản lý, huấn luyện viên, vận động viên tinh thần công hiến vì Tổ quốc, ý chí kiên cường, nỗ lực hết mình; kết hợp chặt chẽ việc nâng cao trình độ chuyên môn với việc bồi dưỡng con người có lý tưởng, có đạo

đức, có văn hóa và có kỷ luật.

Giải pháp về giáo dục:

- Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho HLV, VĐV, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Xây dựng tổ chức Đảng, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh tại các Trung tâm TDTT và tại các đội tuyển của TP.

- Xây dựng chương trình học văn hóa, thi cử đặc thù (học tại trường, cử giáo viên dạy văn hóa cho VĐV khi đi thi đấu dài ngày) cho VĐV năng khiếu trên cơ sở đảm bảo khối lượng tập luyện cũng như cập nhật đủ kiến thức cơ bản theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.8. Phòng chống tiêu cực và doping trong Thể thao:

Phối hợp các cơ quan chức năng xây dựng hệ thống văn bản pháp quy và triển khai các mặt công tác phòng, chống và xử lý các hoạt động tiêu cực: Mua bán, dàn xếp tỉ số, bạo lực, giả mạo, dối trá, tham ô, biến chất..., trong thi đấu Thể thao. Quán triệt và thực hiện việc phòng chống doping trong Thể thao.

- Trên cơ sở hệ thống giải pháp, Đề án xây dựng các chương trình và dự án cụ thể được phân bổ theo từng giai đoạn và suốt cả giai đoạn.

Bảng chương trình dự án phân bổ theo từng giai đoạn.

STT	Thể thao thành tích cao và chuyên nghiệp hóa thể thao				
1	Chương trình kiểm tra tuyển chọn - giám định trình độ VĐV các môn	x	x		
2	Chương trình đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực TTTTC	x	x	x	x
3	Chương trình đào tạo tài năng thể thao cho các môn thể thao nhóm I	x	x		
4	Chương trình đào tạo tài năng thể thao cho các môn thể thao nhóm II		x	x	
5	Chương trình đào tạo tài năng thể thao cho các môn thể thao nhóm III			x	x
6	Hoàn thiện cơ chế chính sách đặc thù đối với TTTTC	x	x		
7	Xây dựng chương trình hợp tác quốc tế trong đào tạo tài năng thể thao	x	x		

8	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xã hội hóa TTTTC	x	x	x	
9	Xây dựng chương trình phát triển các môn thể thao chuyên nghiệp		x	x	x
10	Chương trình đào tạo về dinh dưỡng, giáo dục đạo đức, ứng xử cho các VĐV TTTTC	x	x	x	x
11	Dự án trang bị các thiết bị máy móc, kiểm tra đánh giá lượng vận động và trình độ VĐV cấp cao.		x		
12	Dự án trang thiết bị dụng cụ khoa học y học cho Trung tâm HL và thi đấu TP.HCM (Phát hiện, tuyển chọn, quy trình, công nghệ đào tạo VĐV các tuyến)	x	x	x	
13	Dự án phát triển cơ sở vật chất cho TTTTC	x	x	x	x

4. Các giải pháp và chính sách huy động nguồn tài chính TDTT:

- Tăng cường đầu tư ngân sách TP cho hoạt động sự nghiệp Thể dục thể thao tương xứng với nhiệm vụ, phát triển theo từng năm, từng thời kỳ phù hợp với xu thế phát triển chung của TP.

- Quy định chặt chẽ, rõ ràng và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nhằm tạo sự thuận tiện, nhanh chóng trong việc cấp giấy phép, đăng ký hoạt động, đăng ký hành nghề của các tổ chức, cá nhân tham gia vào các lĩnh vực hoạt động TDTT.

- Tiến hành nghiên cứu, phân tích mức độ liên quan của các hoạt động kinh doanh TDTT, từ đó xác định kế hoạch hợp nhất và liên hoàn giữa kinh doanh TDTT và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan để từng bước phát triển công nghiệp Thể thao ở TP.HCM.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để phát triển đa dạng các loại hình kinh doanh TDTT; từng bước mở rộng thị trường Thể thao.

- Hoàn thiện tiêu chuẩn dịch vụ Thể thao; thực hiện các chế độ kiểm định chất lượng dịch vụ Thể thao.

- Đẩy mạnh các hoạt động tài trợ, quảng cáo, thương quyền..., trong các lĩnh vực TDTT; từng bước thực hiện kế hoạch tổ chức xổ số thể thao, đặt cược thể thao theo chủ trương chung của Chính phủ.

- Trên cơ sở hệ thống giải pháp, Đề án xây dựng các chương trình và dự án cụ thể được phân bổ theo từng giai đoạn và suốt cả giai đoạn.

Bảng chương trình dự án phân bổ theo từng giai đoạn.

STT	Cơ chế chính sách tài chính	2020	2025	2030	2035
1	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về nguồn kinh phí, chế độ chính sách, khen thưởng, hỗ trợ VĐV có thành tích, sau khi hoàn thành nhiệm vụ hoặc gặp rủi ro trong thi đấu, có kết hợp các nguồn lực huy động xã hội hóa dự phòng cho hoạt động TDTT.	X	X	X	X

5. Các giải pháp và chính sách phát triển hệ thống tổ chức quản lý và đào tạo cán bộ TDTT.

5.1. Các giải pháp và chính sách hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý TDTT ở TP. HCM.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về TDTT trên cơ sở đổi mới cơ chế (Luật thể dục, thể thao, các văn bản quy phạm pháp luật) phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh phát triển ngành TDTT trong giai đoạn mới.

- Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành của các tổ chức quản lý nhà nước về TDTT trên cơ sở đẩy mạnh chức năng dịch vụ công, sự hỗ trợ của xã hội và sự tham gia rộng rãi của nhân dân.

- Phát huy hơn nữa vai trò của các liên đoàn, hiệp hội thể thao; hoàn thiện cơ cấu tổ chức bằng cơ chế phối hợp trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, đẩy mạnh cơ chế tự kỷ luật.

- Tích cực đẩy mạnh cải cách, phân loại đơn vị TDTT theo hướng trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ công; khuyến khích các tổ chức xã hội tham gia vào hoạt động TDTT để đa dạng hóa chủ thể cung cấp các dịch vụ TDTT nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Tăng cường sự phối hợp của cơ quan quản lý TDTT các cấp với các đoàn thể chính trị - xã hội (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ...) để triển khai các hoạt động TDTT rộng khắp cho mọi đối tượng.

- Ngành TDTT TP tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh việc hoàn thiện chính sách, tăng nguồn lực đầu tư, đồng thời đổi mới mục tiêu, phương thức, cơ cấu và nguồn vốn đầu tư; tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, hỗ trợ các vùng sâu, vùng xa, ưu đãi các đối tượng chính sách và trợ giúp người nghèo trên cơ sở đổi mới chế độ miễn, giảm phí theo hướng công khai, hợp lý và cấp trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng.

- Trên cơ sở hệ thống giải pháp, Đề án xây dựng các chương trình và dự án cụ

thể được phân bố theo từng giai đoạn và suốt cả giai đoạn.

Bảng chương trình dự án phân bố theo từng giai đoạn.

STT	Các điều kiện đảm bảo	2020	2025	2030	2035
1	Chương trình về vị trí việc làm và các dự án đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng cho công nghệ đào tạo VĐV cấp cao.	x	x	x	x

5.2. Các giải pháp và chính sách phát triển nguồn nhân lực TDDT ở TP.HCM.

- Đổi mới cơ chế, chính sách và các quy phạm về phát triển nguồn nhân lực TDDT: Xây dựng, hoàn thiện hệ thống khung pháp lý về phát triển nguồn nhân lực TDDT theo định hướng thị trường, đa dạng hóa, giữa các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ nhân lực hiện có. Chuẩn hóa đội ngũ huấn luyện viên thể thao của TP theo hướng chuyên nghiệp.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển nguồn nhân lực TDDT; đào tạo cán bộ, chuyên gia đầu ngành, chuyên môn sâu ở các lứa tuổi có tính kế cận; tăng cường nghiên cứu để ứng dụng phù hợp trong việc giáo dục chính trị tư tưởng cho các loại nguồn nhân lực TDDT theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường xã hội hóa phát triển nguồn nhân lực; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực của TP; chủ động đẩy mạnh hợp tác quốc tế để huy động nguồn nhân lực từ các nước ở nhiều khu vực khác nhau trên thế giới.

6. Các giải pháp và chính sách phát triển và phân bố cơ sở vật chất, kỹ thuật TDDT (Giai đoạn đến năm 2035).

- Tiến hành xây dựng quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật TDDT TP.HCM đến năm 2035.

- Rà soát những công trình TDDT để xây dựng đề án nâng cấp, mở rộng, điều chỉnh, sắp xếp lại theo quy hoạch; quy định về trách nhiệm quản lý chặt chẽ diện tích đất đai dành cho công trình TDDT và các quy định nghiêm cấm việc lấn chiếm, sử dụng đất dành cho TDDT vào việc khác.

- Tập trung đầu tư các công trình TDDT trọng điểm đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP lần IX và Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 27-CTrHĐ/TU ngày 26/7/2012 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/T.Ư ngày 16/1/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng

đồng bộ trên địa bàn TP (Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 3 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân TP) xác định để sớm đưa vào sử dụng, gồm Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT TP.HCM (hoàn thành vào năm 2017), Khu Liên hợp TDTT Rạch Chiếc (2020) và Trung tâm TDTT Phan Đình Phùng (2015). Đồng thời kêu gọi đầu tư các công trình TDTT ở Khu đô thị mới Thủ Thiêm như Sân vận động (lô 2-22), Nhà thi đấu đa năng (lô 2-28).

- Xây dựng cơ chế, chính sách về tạo quỹ đất dành cho TDTT, về miễn giảm thuế, chính sách ưu đãi tín dụng cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đối với các dự án, các công trình TDTT có quy mô lớn, thiếu vốn xây dựng; tập trung ưu tiên ban hành chính sách về tạo quỹ đất, chính sách ưu đãi tín dụng cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư cơ sở vật chất cho nhiệm vụ phát triển TDTT trong trường học.

- Có chính sách khuyến khích nguồn lực xã hội tham gia phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật TDTT ở TP, quận, huyện với điều kiện không làm ảnh hưởng đến hoạt động phục vụ của các công trình TDTT; xin chủ trương nhà nước tạo nguồn thu từ xổ số thể thao, đặt cược thể thao để hỗ trợ xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật TDTT.

- Phát triển việc liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp, tập đoàn trong và ngoài nước để đầu tư cho những công trình TDTT mang tính đón đầu trong tương lai và nhu cầu tập luyện của nhân dân.

- Đẩy mạnh việc đầu tư các công trình TDTT phục vụ cho huấn luyện, đào tạo từng môn thể thao từ các Hiệp hội, Liên đoàn Thể thao.

- Rà soát, đánh giá, xác định danh mục các cơ sở vật chất TDTT đang trong tình trạng xuống cấp, sử dụng không hiệu quả, sử dụng không đúng và không hết công năng hoặc diện tích nhỏ, không đảm bảo điều kiện tập luyện... để xem xét hoán đổi hoặc chuyển mục đích sử dụng nhằm tạo kinh phí, tập trung đầu tư phát triển các công trình trọng điểm.

- Khuyến khích nhân dân xây dựng các sân Quần vợt, Cầu lông, Bóng chuyền, phòng tập thể dục, phòng tập thể hình, hồ bơi, sửa chữa sân Bóng đá các xã, phường, mua sắm dụng cụ TDTT cho trường học và các cụm Thể thao ở quận, huyện theo hướng khai thác mọi nguồn lực từ ngân sách địa phương và sự đóng góp của toàn xã hội.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện rà soát lại và nghiêm túc thực hiện Quyết định số 01/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân TP

về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở vật chất Thể thao bền vững, đáp ứng nhu cầu tập luyện Thể thao của nhân dân TP.

- Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, phục vụ phát triển phong trào TDTT TP trong công tác đào tạo, huấn luyện và tổ chức thi đấu.

- Tập trung lập dự án đầu tư, triển khai đền bù thu hồi đất xây dựng Khu Liên hợp TDTT Rạch Chiếc. Xác định quy hoạch, mời gọi đầu tư xây dựng “làng Olympic- ASIAD” tại Khu đô thị Tây Bắc.

- Trên cơ sở hệ thống giải pháp, Đề án xây dựng các chương trình và dự án cụ thể được phân bổ theo từng giai đoạn và suốt cả giai đoạn.

Bảng chương trình dự án phân bổ theo từng giai đoạn.

m²/người

Quận, huyện, TP	Năm		
	2025	2030	2035
Q.1, Q.3, Q.4, Q.5, Q.6, Q.10, Q.11, Q.Phú Nhuận, Q.Bình Thạnh	1	1,15	1.3
Q.2, Q.7, Q.8, Q.9, Q.12, Q.Bình Tân, Q.Tân Bình, Q.Tân Phú, Q.Thủ Đức, Q.Gò Vấp	1,5	1.75	2.0
H.Bình Chánh, H.Hóc Môn, H.Nhà Bè, H.Củ Chi, H.Cần Giờ	2	2,6	3,38

Chương trình dự án ưu tiên đầu tư phát triển TDTT đến năm 2035

Khi xây dựng chương trình phát triển TDTT, cần đảm bảo theo nguyên tắc thực tiễn và định hướng phát triển các lĩnh vực TDTT; sau đó mới tiến hành xây dựng chương trình hoặc đề án cụ thể cho từng lĩnh vực TDTT.

Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Tên chương trình, dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn đầu tư	Nguồn vốn đầu tư		
				Trung ương	TP	Xã hội hóa
1	Dự án Khu Liên hợp TDTT Quốc gia Rạch Chiếc	2020-2035		x	x	x

2	Trung tâm TDTT Phan Đình Phùng	2020-2035			x	x
3	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT TP.HCM	2020-2035			x	x
4	Trung tâm đào tạo VĐV năng khiếu thuộc Trung tâm TDTT Hoa Lư	2020-2035			x	
5	Trung tâm VH-TT đa năng TP (Cần Thạnh - Cần Giờ)	2020-2035			x	x
6	Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực Văn hóa, nghệ thuật, TDTT giai đoạn 2020 - 2035	2020-2035			x	x

Danh mục các chương trình, dự án đầu tư thường xuyên

STT	Các điều kiện đảm bảo	2020	2025	2030	2035
1	Xây dựng chương trình phát triển cơ sở vật chất, công trình thể thao cho các cụm khu vực Đông Bắc (<i>TP trong TP tương lai</i>), Tây Bắc, Tây Nam, Đông Nam.		x	x	x

7. Các giải pháp và chính sách phát triển xã hội hóa TDTT.

- Xây dựng và phát triển các hình thức tổ chức xã hội đa dạng về TDTT. Nâng cao tính tích cực xã hội và năng lực hoạt động xã hội của nhân dân trong công tác TDTT.

- Tăng cường phát triển kinh tế thể thao, xác định rõ các lĩnh vực hoạt động kinh doanh TDTT, thúc đẩy mọi hoạt động kinh doanh TDTT chuyên nghiệp, khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết, hợp tác giữa nhà nước, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong phát triển kinh doanh TDTT ở trong và ngoài nước, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Từng bước chuyển giao các hoạt động tác nghiệp trong hoạt động TDTT cho các Liên đoàn, Hội thể thao thực hiện.

- Bảo đảm cho công tác TDTT trở thành hoạt động mang tính liên ngành, trở thành trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, trong đó ngành TDTT giữ vai trò nòng cốt. Đổi mới phương thức quản lý và đầu tư của Nhà nước.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nghiên cứu lý luận, nâng cao nhận thức về xã hội hóa:

+ Để làm tốt công tác xã hội hóa TDTT, nhất là tạo bước đột phá mới trong vấn đề này, thời gian tới cần đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt trong cán bộ và nhân dân, nhằm khẳng định xã hội hóa là chủ trương đúng đắn, là Nhà nước và nhân dân cùng làm, tránh cả hai quan niệm cực đoan chỉ đòi hỏi Nhà nước bao cấp, không huy động sự đóng góp hợp lý của nhân dân hoặc giảm sự quan tâm, đầu tư của Nhà nước, để mặc cho cơ chế thị trường chi phối.

+ Tuyên truyền, vận động và tổ chức để ngày càng có nhiều người tập luyện TDTT, góp phần nâng cao tầm vóc và thể chất con người Việt Nam, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân về hoạt động TDTT, phát hiện và bồi dưỡng các tài năng TDTT của đất nước.

+ Tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, làm rõ các vấn đề về sở hữu, về tính chất hoạt động lợi nhuận và phi lợi nhuận, về trách nhiệm xã hội của các tổ chức, về hình thức xã hội hóa trong mỗi lĩnh vực, để từ đó tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách.

+ Phát động phong trào thi đua, xây dựng và nhân rộng các điển hình xã hội hóa trong từng lĩnh vực.

+ Tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, đưa các hoạt động TDTT về cơ sở, thu hút ngày càng nhiều người tập luyện.

Giải pháp xã hội hóa:

- Xây dựng cơ chế khuyến khích xã hội hóa, phát triển các loại hình dịch vụ thể thao theo định hướng và quy hoạch của TP.

- củng cố lại các câu lạc bộ, liên đoàn, hội thể thao để hoạt động thực chất; xác định nguồn tài chính, cơ cấu và nguồn nhân lực cho các tổ chức xã hội về thể thao. Áp dụng cơ chế hợp đồng trách nhiệm, giao kế hoạch và kinh phí hằng năm cho các liên đoàn, hội thực hiện nhiệm vụ phát triển từng môn thể thao.

- Vận động tài trợ từ các doanh nghiệp cho các hoạt động TDTT theo hướng vừa đóng góp cho hoạt động xã hội, vừa quảng bá hình ảnh doanh nghiệp thông qua hoạt động Thể thao theo hướng:

+ Thể thao chuyên nghiệp do doanh nghiệp đầu tư chính, TP hỗ trợ trong công tác đào tạo VĐV trẻ.

+ Thể thao quần chúng, thể thao giải trí phát triển chủ yếu từ nguồn kinh phí

ngoài ngân sách (khi thật sự cần thiết ngân sách Nhà nước chỉ đầu tư một phần kinh phí ban đầu để kích thích đầu tư phát triển).

- Đổi mới cơ bản quan điểm nhận thức, giải pháp thực hiện về xã hội hóa TDTT; tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia hoạt động và phát triển ngành TDTT của TP; chuyển giao hoạt động tác nghiệp về TDTT cho các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các cơ sở ngoài công lập thực hiện; từng bước chuyển các đơn vị ngành TDTT trực thuộc ngành TDTT TP, quận, huyện, TP, sang áp dụng chế độ tự chủ tài chính, tiến tới tự chủ, tự chịu trách nhiệm hoạt động như các tổ chức dịch vụ công khác.

- Trên cơ sở hệ thống giải pháp, Đề án xây dựng các chương trình và dự án cụ thể được phân bố theo từng giai đoạn và suốt cả giai đoạn.

Bảng chương trình dự án phân bố theo từng giai đoạn.

STT	Các điều kiện đảm bảo	2020	2025	2030	2035
1	Chương trình phát triển xã hội hóa TDTT cho từng lĩnh vực theo luật TDTT bổ sung 2018.	x	x	x	x

8. Các giải pháp và chính sách định hướng nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong các hoạt động TDTT.

- Tập trung nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực trọng điểm gắn với các môn Thể thao nhằm nâng cao thành tích, đặc biệt là những môn Olympic.

- Xây dựng mô hình liên kết khoa học công nghệ TDTT giữa các trường Đại học TDTT, Viện Khoa học TDTT, các Trung tâm huấn luyện thể thao Quốc gia, các Trung tâm nghiên cứu khoa học ở Trung ương và TP, các hội khoa học kỹ thuật...

+ Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ từ các kết quả nghiên cứu khoa học ở trong nước và nước ngoài theo hướng thiết thực và hiệu quả.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trong y học Thể thao các cơ sở y học TDTT, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học, kiểm tra y học, đánh giá thể chất, phòng ngừa, chữa trị, hồi phục chấn thương, nhất là đối với Thể thao thành tích cao.

- Xây dựng lộ trình thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ nhà khoa học TDTT bằng những kế hoạch chi tiết, khả thi; đặc biệt đào tạo cán bộ khoa học từ đội ngũ HLV, VĐV trình độ cao, có đủ năng lực, kiến thức để tiếp cận trình độ khoa học công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

- Xây dựng hệ thống điều kiện đảm bảo phục vụ khoa học công nghệ, y học

TĐTT; tăng cường đầu tư xây dựng các điều kiện nghiên cứu khoa học, kiểm tra y học, phòng thí nghiệm...

Giải pháp về nghiên cứu khoa học:

Nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ trong công tác tuyển chọn, huấn luyện VĐV một số môn Thể thao trọng điểm. Áp dụng cụ thể đối với từng thời kỳ, giai đoạn huấn luyện trong các môn Thể thao. Đưa công nghệ thông tin vào các quy trình thu thập, lưu trữ, xử lý và khai thác số liệu phục vụ cho công tác quản lý quá trình huấn luyện VĐV.

9. Các giải pháp và chính sách phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông TĐTT.

- Tăng cường công tác quán triệt, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động TĐTT; nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của các cấp ủy Đảng và chính quyền trong công tác phát triển sự nghiệp TĐTT. TĐTT được xác định là một nội dung trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và dài hạn của TP.HCM.

- Đẩy mạnh và đổi mới công tác thông tin, truyền thông về vai trò, tác dụng của TĐTT, nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng, phát huy mặt tích cực của dư luận xã hội trong việc tuyên truyền, quảng bá các giá trị xã hội của TĐTT.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức thông tin về TĐTT, phục vụ có hiệu quả việc tìm kiếm, khai thác, chia sẻ và phổ biến thông tin về TĐTT giữa cơ quan quản lý nhà nước với các cơ quan tổ chức, địa phương và các cá nhân trong xã hội.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thể thao, phát huy tác dụng của dư luận để điều chỉnh các lĩnh vực hoạt động TĐTT của TP; tăng cường công tác tuyên truyền các quy định pháp luật, điều lệ, chính sách quan trọng, hướng tới môi trường dư luận xã hội lành mạnh trong việc đổi mới và phát triển TĐTT.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ nhân lực hoạt động trong lĩnh vực truyền thông Thể thao, có trình độ về chuyên môn nghiệp vụ truyền thông và chuyên môn nghiệp vụ Thể thao.

- Tăng cường hợp tác với các cơ quan ngôn luận để tạo dựng môi trường tích cực trong tổ chức truyền thông các hoạt động TĐTT của TP.

- Tăng cường liên kết hợp tác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông Thể thao với các tổ chức báo chí, truyền hình quốc tế trong các sự kiện Thể thao ở TP.HCM.

- Hoàn thiện hệ thống mạng công nghệ thông tin, website để nắm quyền chủ

động trong việc tuyên truyền Thể thao bằng các thông tin xác thực và chính thống.

- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông Thể thao gắn liền với các hoạt động tài trợ, quảng cáo thông qua tổ chức các sự kiện Thể thao, biểu diễn, thi đấu Thể thao, tạo nguồn thu để phát triển TDTT của TP.

- Trên cơ sở hệ thống giải pháp, Đề án xây dựng các chương trình và dự án cụ thể được phân bổ theo từng giai đoạn và suốt cả giai đoạn.

Bảng chương trình dự án phân bổ theo từng giai đoạn.

STT	Các điều kiện đảm bảo	2020	2025	2030	2035
1	Chương trình phát triển CNTT, truyền thông cho TDTT đáp ứng yêu cầu TP thông minh theo 4.0.	x	x		

10. Các giải pháp và chính sách định hướng hoạt động quan hệ quốc tế.

- Tăng cường phát triển các mối quan hệ hợp tác với các nước, với các tổ chức đơn môn Thể thao quốc tế, với các tổ chức Thể thao quốc tế khác thông qua hiệp định hợp tác của ngành TDTT, của Ủy ban Olympic quốc gia.

- Củng cố mối quan hệ truyền thông với các nước đã có quan hệ với TP.HCM; xây dựng các chương trình giao lưu TDTT để tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, HLV, VĐV và trọng tài tiếp cận với nền TDTT tiên tiến của các nước, học hỏi kinh nghiệm và nâng cao trình độ chuyên môn.

- Xây dựng chương trình phổ biến võ học Việt Nam (Vovinam, Võ cổ truyền) đến các nước có quan hệ hợp tác.

- Tích cực vận dụng các cơ hội hợp tác quốc tế để thu hút tài trợ cho các sự kiện Thể thao do TP tổ chức; tài trợ cho quỹ phát triển thể thao của TP; tài trợ cho các Liên đoàn Thể thao TP.

- Kết hợp các hoạt động hợp tác quốc tế với quá trình chuyên nghiệp hóa, xã hội hóa các môn Thể thao ở TP.HCM; đặc biệt là hợp tác phát triển các môn Thể thao chuyên nghiệp như Bóng đá, Bóng chày, Xe đạp, Quần vợt, Cầu lông...

- Mở rộng các hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác để phát triển kinh doanh thể thao ở TP.HCM; phát triển các loại kinh doanh Thể thao giải trí; kêu gọi càng ngày càng nhiều các nhà đầu tư nước ngoài vào việc xây dựng các công trình thể thao, đào tạo nguồn nhân lực và đầu tư vào các hoạt động Thể thao ở TP.HCM.

Giải pháp về quan hệ quốc tế:

- Lập mới Phòng khoa học và hợp tác quốc tế trực thuộc Sở VHTT để tranh thủ tối đa các mối quan hệ quốc tế của các liên đoàn, bộ môn Thể thao, các tổ chức xã hội; tăng cường các mối quan hệ với các nước và vùng lãnh thổ có nền thể thao tiên tiến trên các lĩnh vực: Giao lưu thi đấu, tập huấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ thi đấu nước ngoài, nhằm đạt được yêu cầu nâng cao thành tích thể thao, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành TDTT, từng bước hoàn thiện các công trình TDTT với các dự án đạt tiêu chuẩn, kỹ thuật hiện đại.

- Hợp tác với các Trường, Viện, Trung tâm Thể thao lớn của các nước có quan hệ hợp tác với TP để giúp đào tạo nguồn nhân lực cho Thể thao TP.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên môn, tạo điều kiện cho cán bộ tham gia vào các tổ chức Thể thao, các Liên đoàn Thể thao quốc tế.

- Nâng cao trình độ tổ chức, quy mô các giải thể thao quốc tế mang tính truyền thống tại TP, tiến đến giành quyền đăng cai các giải trong hệ thống thi đấu chính thức và các Đại hội Thể thao khu vực và châu lục.

11. Các nhóm giải pháp chung thực hiện Đề án.

Các giải pháp thực hiện Đề án phát triển TDTT TP.HCM đến năm 2035 được xây dựng mang tính thúc đẩy, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TDTT của TP, cụ thể gồm:

a) Nâng cao nhận thức, tư tưởng, quán triệt, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước đối với hoạt động TDTT; phát huy vai trò của các cấp ủy Đảng và chính quyền trong công tác phát triển ngành TDTT. TDTT là một nội dung trong phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và dài hạn của TP.HCM.

b) Đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến trong quản lý TDTT:

- Đẩy mạnh chuyển biến trong quản lý TDTT; tăng cường quản lý vĩ mô trong các lĩnh vực hoạt động TDTT; xây dựng hệ thống tổ chức quản lý Nhà nước trên cơ sở phân biệt rõ về quản lý Nhà nước và quản lý ngành TDTT.

- Xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực TDTT của TP; thúc đẩy sự chuyển biến về cơ chế chính sách đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, huấn luyện viên, trọng tài, nhà khoa học.v.v... phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của TP.HCM.

- Đẩy mạnh xã hội hóa TDTT và phát triển kinh tế Thể thao dưới sự điều hành, quản lý của Nhà nước, sự hỗ trợ của xã hội, sự tham gia rộng rãi của nhân dân trong thực hiện quy hoạch phát triển TDTT ở TP.HCM.

- Tăng cường quản lý và giám sát việc thực hiện quy hoạch phát triển TDTT ở cấp TP và quận, huyện. Các đơn vị cần nghiêm túc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển TDTT trong từng cấp; xây dựng cơ chế giám sát, chế độ thống kê để

quản lý việc thực hiện quy hoạch một cách hiệu quả, bảo đảm tiến trình thực hiện quy hoạch.

c) Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật:

- Tập trung công tác nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực trọng điểm của TDTT với phương châm “Sáng tạo, đột phá, hướng tới tương lai”; tăng cường đầu tư hệ thống đảm bảo phục vụ công tác khoa học công nghệ và y học TDTT trong lĩnh vực Thể thao thành tích cao,

- Tăng cường công tác truyền thông và giao lưu, đối ngoại Thể thao: Đổi mới công tác thông tin và truyền thông Thể thao để phát huy tác dụng của dư luận, quảng bá giá trị xã hội của TDTT; mở rộng các mối quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế theo tinh thần Olympic, hình thành một cục diện mới về đối ngoại Thể thao của TP.HCM.

- Đầu tư mở rộng và quản lý hiệu quả tài nguyên cơ sở vật chất TDTT: Tập trung đầu tư, mở rộng các cơ sở vật chất được chèn lược trọng điểm để đáp ứng tổ chức các Đại hội Thể thao khu vực, châu lục và thế giới, đồng thời phục vụ nhu cầu tập luyện càng ngày càng cao của nhân dân; xây dựng mô hình quản lý hiệu quả các tài nguyên cơ sở vật chất để phát triển ổn định, bền vững, nâng cao năng lực phục vụ, năng lực kinh doanh, tỷ lệ khai thác, đáp ứng nhu cầu tập luyện TDTT của nhiều đối tượng khác nhau.

- Cam kết bảo vệ môi trường trong đề án phát triển TDTT TP.HCM: Môi trường xã hội, giảm ô nhiễm không khí, tiêu thụ nước tiết kiệm và đảm bảo chất lượng nguồn nước, giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải rắn, đảm bảo tác động đến tính bền vững bảo vệ môi trường.

- Trên cơ sở hệ thống giải pháp, Đề án xây dựng các chương trình và dự án cụ thể được phân bố theo từng giai đoạn và suốt cả giai đoạn.

Bảng chương trình dự án phân bố theo từng giai đoạn.

STT	Các điều kiện đảm bảo	2020	2025	2030	2035
1	Các chương trình trọng điểm của TDTT gắn y tế; văn hóa; giáo dục;....: vận động và sức khỏe, dinh dưỡng và tập luyện, vận động và hồi phục; văn hóa giao tiếp ứng xử trong hoạt động TDTT; Kinh tế và dịch vụ TT; thông tin và truyền thông thể thao; du lịch thể thao; thể thao giải trí; thể thao dân tộc; thể thao cho người khuyết tật;....	X	X	X	X

12. Các nhóm giải pháp cụ thể:

Các nhóm giải pháp thực hiện đề án phát triển Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến 2035 được cụ thể hóa theo lộ trình, phân kỳ cho từng năm, từng giai đoạn đến 2025 và 2030 tầm nhìn đến năm 2035.

Muốn thực hiện đề án hiệu quả, chất lượng, khả thi, hệ thống, đồng bộ đủ tin cậy là cơ sở phát triển các nguồn lực theo phân kỳ đến 2030; Sở Văn hóa và Thể thao là đơn vị chủ trì phối hợp với các sở ngành theo quy định chức năng nhiệm vụ của từng lĩnh vực khác nhau, song luôn có mối quan hệ đan xen gắn kết để cùng phát triển. Vì vậy khi xây dựng Đề án thành phần theo từng nội dung cụ thể có căn cứ trên cơ sở Luật thể dục, thể thao điều chỉnh bổ sung năm 2018. Cụ thể các đề án thành phần như sau:

12.1. Đề án đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất của ngành Thể dục thể thao, trong đó tập trung rà soát, phân loại, đề xuất sắp xếp, nâng cấp và liên kết khai thác các cơ sở vật chất Thể dục thể thao của Thành phố, của địa phương và các ngành để sử dụng có hiệu quả;

12.2. Đề án xã hội hóa phát triển cơ sở vật chất thể dục thể thao, trong đó tập trung huy động tất cả các nguồn lực để người dân cùng chính quyền Thành phố phát triển cơ sở vật chất thể dục thể thao, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố cơ chế xã hội hóa để triển khai thực hiện đúng pháp luật và đạt hiệu quả.

12.3. Đề án phát triển các sự kiện thể dục thể thao thường niên.

12.4. Đề án phát triển các loại hình thể dục thể thao đỉnh cao.

12.5. Đề án phát triển thể dục thể thao trong trường học.

12.6. Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của các liên đoàn, trong đó các hoạt động phải thiết thực, hiệu quả, tự chủ và sáng tạo trên cơ sở có sự tham gia của các nhà tài trợ.

12.7. Đề án hợp tác quốc tế về phát triển ngành Thể dục thể thao, trong đó tập trung trao đổi về chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo huấn luyện, hỗ trợ cơ sở vật chất, hoạt động giao lưu ở nhiều cấp độ và kêu gọi đầu tư.

12.8. Đề án xây dựng chính sách hỗ trợ, đào tạo nhân tài thể dục thể thao.

Trên cơ sở đề án tổng thể phát triển ngành Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến 2035; có căn cứ quy hoạch phát triển các lĩnh vực của ngành giai đoạn trước từ 2010 - 2020 (đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt).

Đề thực hiện được 8 đề án thành phần cho cả giai đoạn đến 2035.

Căn cứ thông báo kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Võ Văn Hoan tại cuộc họp về Đề án “ Phát triển ngành thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến 2035”.

Sở Văn hóa và Thể thao sẽ xây dựng chương trình kế hoạch phối hợp cụ thể của từng đề án thành phần (*phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định*) và hoàn thiện các đề án thành phần trình UBND TP phê duyệt đúng thời gian và tiến độ theo thông báo của Văn phòng UBND TP ngày 12 tháng 01 năm 2021.

(Bảng phối hợp thực hiện 8 đề án thành phần và dự toán cho từng đề án được thể hiện trong phần phụ lục 48;49.của đề án tổng thể).

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Về kinh phí thực hiện Đề án: Ngân sách TP đảm bảo thực hiện chương trình, dự án được phê duyệt theo đề án tổng thể đến 2035 và các đề án thành phần cho từng lĩnh vực được các sở ngành thông nhất hoàn thiện cụ thể chi tiết thông qua các chương trình kế hoạch phối hợp để phát triển ngành TDTT từng năm, từng giai đoạn và cả giai đoạn. Thực hiện các giải pháp cụ thể để thu hút nguồn xã hội hóa TDTT, tạo mọi điều kiện thực hiện thuận lợi cho mọi tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển TDTT cho mọi người, Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.

2. Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với sở ngành có liên quan xây dựng các đề án thành phần của từng lĩnh vực bằng chương trình kế hoạch thực hiện trên cơ sở kết luận của Phó Chủ tịch UBND Thành phố Võ Văn Hoan tại cuộc họp ngày 08/01/2021 về Đề án “Phát triển ngành Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2035”; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện phát triển TDTT TP đến năm 2035 và hướng dẫn, giám sát, kiểm tra; tổng hợp tình hình thực hiện Đề án và báo cáo Ủy ban nhân dân TP theo định kỳ; tổ chức sơ kết 5 năm một lần.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao:

- Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học; tổ chức thi đấu TDTT trường học.

- Thực hiện định kỳ điều tra đánh giá thể chất và sức khỏe cho học sinh, sinh viên.

- Đảm bảo đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên, cơ sở vật chất cho TDTT trường học; xây dựng các văn bản pháp quy, chế độ chính sách phát triển TDTT trường học.

- Ban hành chính sách đặc thù xây dựng các câu lạc bộ thể dục, thể thao trường học, xây dựng thí điểm một số cơ sở đào tạo tài năng thể thao trẻ ở trường học.

4. Sở Y tế phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng chương trình chăm sóc sức khỏe học đường; phối hợp thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp đưa Đề án phát triển TDTT vào kế hoạch phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội của TP từ đề xuất của Sở Văn hóa và Thể thao; phối hợp với Sở Tài chính, các Sở liên quan hỗ trợ thủ tục, cơ sở pháp lý để huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách Nhà nước cho phát triển TDTT TP.

6. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án phát triển TDTT TP.HCM đến năm 2035 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính, bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư cho TDTT; xây dựng các chính sách khuyến khích xã hội hóa và kinh doanh dịch vụ TDTT.

7. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao quản lý các tổ chức xã hội về TDTT; tham mưu chế độ chính sách đối với cán bộ, HLV, VĐV, chính sách đối với tập thể, cá nhân tham gia hoạt động TDTT theo chủ trương xã hội hóa.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng kế hoạch tuyên truyền trên các phương tiện báo, đài, thông tin đại chúng giúp mọi người nâng cao nhận thức và sự hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của tập luyện TDTT. Đặc biệt đưa áp dụng vào Chương trình chuyển đổi số của TP.HCM.

9. Sở Tài nguyên Môi trường: Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện rà soát và cập nhật quy hoạch kế hoạch của ngành TDTT vào Quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định.

10. Sở Xây dựng - Sở Quy hoạch Kiến trúc: Phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan, xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể quy trình, quy phạm và các mẫu thiết kế các công trình TDTT và các thủ tục khác ở quận, huyện .

11. Sở Khoa học Công nghệ phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng chương trình khoa học về việc thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030; Các đề tài khoa học có liên quan đến công nghệ trong tuyển chọn đào tạo VĐV cấp cao, môn thể thao trọng điểm...

12. Các ban ngành, đoàn thể. (*Mặt trận Tổ quốc, Hội liên hiệp Phụ nữ, Thành Đoàn, Liên đoàn Lao động, Hội Cựu chiến binh, Hội Người Khuyết tật TP*)... Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao vận động và tổ chức cho nhân dân trên các quận,

huyện, trực thuộc tham gia thực hiện và hoàn thành các mục tiêu đã được đề ra trong quy hoạch này.

13. Ủy ban nhân dân TP chịu trách nhiệm xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển TDTT 5 năm và hàng năm phù hợp với Quy hoạch phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của TP.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua nghiên cứu thực trạng TDTT của TP.HCM cho thấy trong quá trình phát triển ngành TDTT của TP có những mặt đạt được, những mặt chưa đạt được, những ưu - khuyết điểm, những bất cập tồn tại - thời cơ thách thức; từ đó làm cơ sở xây dựng các chỉ tiêu, phương án và giải pháp đồng bộ và khả thi góp phần đưa ngành TDTT của TP.HCM phát triển nhanh, bền vững.

TP.HCM là vùng đất có nền văn hóa lâu đời, có nhiều di tích lịch sử; di tích danh lam thắng cảnh có truyền thống lịch sử, văn hóa phong phú. Đặc biệt, con người nơi đây rất hiếu khách và nhân hậu. Tất cả những nét đó tạo nên một TP vừa cổ kính vừa đa dạng về bản sắc văn hóa văn minh, hiện đại. Với nguồn tài nguyên di sản lịch sử - văn hóa độc đáo, phong phú, tài nguyên nhân văn dồi dào, tốc độ tăng trưởng GDP với mức khá, quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh trong giai đoạn tới là những cơ hội lớn và là tiền đề để phát triển ngành TDTT. Do đó, Đề án phát triển ngành TDTT TP.HCM đến năm 2035 là việc làm quan trọng và mang tính cấp thiết.

Cơ sở vật chất của ngành TDTT hiện nay đã và đang được đầu tư nhưng chưa tương xứng với tầm vóc, vị trí của TP văn minh, hiện đại. Trong từng lĩnh vực chuyên môn hẹp của ngành thể thao đã có kế hoạch phát triển theo từng năm và giai đoạn đến 5 năm, tuy nhiên xét tổng thể vẫn còn thiếu một bản đề án phát triển dài hạn, trên cơ sở đánh giá thực trạng chính xác đầy đủ để đưa ra các phương án, chỉ tiêu phù hợp với điều kiện đặc biệt của TP.HCM một cách hệ thống và khoa học, một TP có sự phát triển với tốc độ cao sẽ tạo đà cho ngành khắc phục khó khăn, tạo bước đột phá mới theo kịp với xu thế phát triển chung của khu vực và thế giới.

Phát triển ngành TDTT TP.HCM tập trung khai thác những thế mạnh đặc thù, tận dụng thời cơ và cơ hội phát triển cân đối, thống nhất đồng bộ, phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của TP đến 2035. Đề án phát triển ngành TDTT đảm bảo các mục tiêu về chính trị, kinh tế và văn hoá, các yếu tố vùng lãnh thổ và đặc thù phát triển của từng lĩnh vực TDTT cũng như có tính đến những điểm yếu, thách thức của ngành trong quá trình hội nhập phát triển.

Triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành TDTT TP.HCM là nhiệm vụ khó khăn, vất vả, không chỉ đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn, đội ngũ cán bộ khoa học và quản lý giỏi, đội ngũ cán bộ TDTT có chuyên môn và yêu nghề..., mà còn đòi hỏi các cấp chính quyền địa phương phải có quyết sách phù hợp, đúng lúc và kịp thời nhằm thu hút nguồn nhân lực, vốn đầu tư của toàn xã hội tham gia. Đó là những nhân tố quyết định sự thành công của sự nghiệp phát triển ngành TDTT TP.HCM thực sự trở thành "nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội" TP.HCM.

- Từ đánh giá thực trạng, căn cứ vào quan điểm phát triển của TP, đồng thời căn cứ vào các cơ sở Nghị quyết, Chỉ thị và các văn bản của Đảng, Nhà nước, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thành ủy, Ủy ban nhân dân TP.HCM đã định hướng cho phát triển ngành TDTT đến năm 2035; xác định các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, các phương án, chỉ tiêu phát triển. Nếu thực hiện được các mục tiêu này thì TDTT TP.HCM sẽ trở thành một trong những trung tâm mạnh của cả nước, khu vực, châu lục và thế giới, góp phần nâng cao sức khỏe, thể trạng, tầm vóc và làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh của nhân dân xứng tầm với vai trò và vị trí của TP trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng và cả nước nói chung, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Để giúp TP.HCM có điều kiện phát triển TDTT như Đề án đề ra; Đề nghị Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương quan tâm hỗ trợ phối hợp chỉ đạo giúp TP một số nội dung như sau:

1. Đề nghị Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương quan tâm hỗ trợ nguồn vốn có mục tiêu để đầu tư xây dựng các thiết chế, công trình TDTT quan trọng của TP như: khu Liên hợp TDTT QG Rạch Chiếc, một số trung tâm TDTT trọng điểm, hỗ trợ các cơ chế tài chính để đào tạo nguồn nhân lực; kiểm tra, rà soát việc thực hiện các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ quy định thiết chế văn hóa thể thao cơ sở, mỗi xã, phường, thị trấn cần có tối thiểu 1 sân bóng đá và 1 hồ bơi đơn giản.

2. Đề nghị Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương quan tâm hỗ trợ kinh phí đầu tư phục vụ cho các hoạt động thể thao, hội thao và các giải thể thao (có nhiều đơn vị trung ương đóng trên địa bàn); Cần phối hợp hỗ trợ xây dựng công trình trọng điểm mang tính quốc gia để chuẩn bị tổ chức Đại hội Thể thao quốc gia 2022, SEA Games hay các Đại hội cấp châu lục ở giai đoạn 2020 - 2035.

3. Về cơ chế chính sách, đề nghị:

- Có chính sách và cơ chế đặc thù trong việc sử dụng nguồn vốn trích nộp từ

ngân sách và các nguồn vốn huy động khác, để TP có điều kiện đầu tư các công trình TDTT phục vụ cho lợi ích cộng đồng và nâng cao sức khỏe cho người dân.

- Có cơ chế chính sách đãi ngộ đối với các chuyên gia nhà khoa học, HLV, VĐV tiêu biểu của TP nói riêng và của cả nước nói chung. Có chính sách để ghi công, tôn vinh các cá nhân, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội có công đóng góp đầu tư xây dựng các công trình TDTT, mang lại thành tích thể thao về cho TP trong các kỳ đại hội thể thao, giải thể thao cấp toàn quốc, khu vực, châu lục và quốc tế.

- Có chính sách ưu đãi, khuyến khích cho các cá nhân, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội đầu tư xây dựng, khai thác phát huy các công trình TDTT, nhất là ở các quận, huyện xã, phường, thị trấn.

- Xây dựng các chính sách, chế độ khen thưởng thích đáng cho các chuyên gia, HLV, VĐV khi được phong tặng các danh hiệu của quốc gia, quốc tế của TP và được giải trong các kỳ đại hội thể thao và thi đấu TDTT của quốc gia và quốc tế.

PHẦN PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH TDTT TP HCM ĐẾN NĂM 2035
(Phương án tối thiểu)
PHỤ LỤC CÁC BẢNG BIỂU CỦA ĐỀ ÁN
(Đính kèm Đề án phát triển Thể dục thể thao
Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2035)

Bảng 1. Nhịp tăng trưởng bình quân (%) hàng năm của người tập luyện TDTTXX

TT	Nội dung	2015	2016	2017	2018	2019
1	Tổng số dân	8.223.383	8.320.217	8.760.791	8.760.791	8.939.752
2	Người tập luyện thường xuyên	2.367.493	2.470.695	2.645.759	2.759.649	2.805.725
Tỷ lệ %		28.8%	29%	30.2%	31.5%	31,4%
3	Tổng số hộ	1.523.218	1.524.153	1.528.583	1.528.583	1.529.016
4	Hộ gia đình Thể thao	257.424	259.106	275.145	275.145	280.775
Tỷ lệ %		16.9%	17%	18%	18%	18,4%

Bảng 2. Phát triển giáo dục thể chất và Thể thao trong nhà trường.

TT	Các chỉ tiêu	Năm				
		2015	2016	2017	2018	2019
1	Tỷ lệ học sinh, sinh viên tập luyện TDTT chính khóa (%)					
	- Mẫu giáo	100	86,56	85,42	86,01	86,22
	- Tiểu học	100	99,14	99,47	99,50	99,52
	- THCS	100	99,62	99,65	99,67	99,69
	- THPT	100	99,28	98,46	98,51	98,53
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	99,47	95,81	95,44	95,64	95,67
2	Tỷ lệ học sinh, sinh viên tập luyện TDTT ngoại khóa (%)					
	- Tiểu học	80,90	85,42	86,05	86,09	86,15
	- THCS	81,57	80,14	80,41	80,70	80,81

	- THPT	85,81	79,74	65,52	65,68	66,01
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	42,42	40,68	47,46	47,59	47,82
3	Tỷ lệ số trường thực hiện GDĐT và TT đạt mức độ tốt (%)					
	- Mẫu giáo	92,00	92,40	96,15	96,21	96,62
	- Tiểu học	100	100	100	100	100
	- THCS	100	100	100	100	100
	- THPT	100	100	100	100	100
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	100	100	100	100	100
4	Diện tích đất dành cho TĐTT (m ² /hs, sv)					
	- Tiểu học	2,4m ² /hs	2,4m ² /hs	2,4m ² /hs	2,4m ² /hs	2,4m ² /hs
	- THCS, THPT	0,87m ² /hs	0,87m ² /hs	0,87m ² /hs	0,87m ² /hs	0,87m ² /hs
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	2,48m ² /sv	2,01m ² /sv	2,10m ² /sv	2,10m ² /sv	2,10m ² /sv
5	Tỷ lệ giáo viên TĐTT (giáo viên/số học sinh, sinh viên)					
	Tiểu học	46	46	46	46	46
	THCS	50	50	50	50	50
	THPT	24	24	24	24	24
	Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	14	15	14	14	14

Bảng 3. Hệ thống thi đấu các giải truyền thống của TP.HCM

TT		TÊN GIẢI	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM
1	Bóng rổ	Giải Bóng rổ năng khiếu thành phố	2	NTĐ TĐTT Phú Thọ
		Giải Bóng rổ trẻ thành phố	2	NTĐ TĐTT Phú Thọ
		Giải Bóng rổ Hạng A thành phố	4	NTĐ TĐTT Phú Thọ

		Giải Bóng rổ Festival Trường học	5	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Bóng rổ vô địch thành phố	6	NTĐ Lãnh Bình Thăng, Q11
		Giải Bóng rổ 3x3 vô địch thành phố	9	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Bóng rổ Thể thao học sinh	11	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Bóng rổ sinh viên	12	ĐHSP TDTT TP
2	Bóng đá	Giải Thể thao học sinh Futsal THCS nữ 2018-2019	1-3	CLB Thái Sơn Nam
		Giải Thể thao học sinh Futsal THPT nữ 2018-2019	1-3	CLB Thái Sơn Nam
		Giải Bóng đá Thể thao học sinh THCS nam khối 8-9 năm học 2018-2019	3	Q.Phú Nhuận - Q.Gò Vấp
		Giải Bóng đá Thể thao học sinh khối THPT nam năm học 2018-2019	3	Q.Phú Nhuận - Q.Gò Vấp
		Giải Bóng đá năng khiếu U10	7-8	Q.Phú Nhuận - Quận 1
		Giải Bóng đá năng khiếu U12	7-8	Q.Phú Nhuận - Q.Gò Vấp
		Giải Bóng đá năng khiếu U14	7-8	Q.Phú Nhuận - Q.Gò Vấp
		Giải Futsal phong trào thành phố	10	CLB Thái Sơn Nam
		Giải Bóng đá Thể thao học sinh khối tiểu học, THCS nữ, THPT nữ năm học 2019-2020	10	Quận 1
		Giải Thể thao học sinh Futsal THPT nam 2019-2020	11	CLB Thái Sơn Nam
		Giải Thể thao học sinh Futsal THCS nam 2019-2020	12	CLB Thái Sơn Nam
		Giải Bóng đá Thể thao học sinh THCS 6-7 nam năm học 2019-2020	12	Q.Phú Nhuận - Q. Gò Vấp
		Giải Bóng đá Vô địch thành phố	CXĐ	CXĐ
3	Cử tạ	Giải Cử tạ Thể thao học sinh	1	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Cử tạ trẻ thành phố	5	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Cử tạ vô địch thành phố	8	NTĐ TDTT Phú Thọ

4	Thể hình	Giải Thể hình vô địch trẻ, cô điển, Fitness	8	TT.DV TDTT
		Giải Thể hình vô địch thành phố	9	TT.DV TDTT
5	TDNT	Giải Thể dục nghệ thuật vô địch thành phố	6	TT.TDTT Hoa Lư
6	Petanque	Giải Petanque vô địch thành phố	3	Cung Văn hóa Lao động
		Giải Petanque năng khiếu thành phố	6	Cung Văn hóa Lao động
		Giải Petanque trẻ thành phố	6	Cung Văn hóa LĐ
		Giải Petanque Thể thao học sinh	11	Cung Văn hóa Lao động
7	Vovinam	Giải Vovinam Thể thao học sinh	3	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Vovinam trẻ thành phố	4	NTĐ Quận 8
		Giải Vovinam vô địch thành phố	5	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Festival Vovinam võ nhạc trường học	5	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Vovinam năng khiếu thành phố	6	CLB Hồ Xuân Hương
		Giải Vovinam sinh viên	11	NTĐ Lãnh Binh Thăng,Q11
8	Bắn súng	Giải Bắn súng Thể thao học sinh	1	Q.Tân Phú
		Giải Bắn súng trẻ - thanh thiếu niên thành phố	5	Quận 1
		Giải Bắn súng vô địch thành phố	8	Q.Bình Thạnh
9	Bóng chuyền	Giải Bóng chuyền Thể thao học sinh	1	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Bóng chuyền năng khiếu thành phố	6	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Bóng chuyền trẻ thành phố	7	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Bóng chuyền vô địch thành phố	9	NTĐ TDTT Phú Thọ
10	Cờ	Giải Cờ tướng Thể thao học sinh	1	Quận 1
		Giải Cờ vua, tướng năng khiếu thành phố	6	Quận 4
		Giải Cờ vây vô địch thành phố	8	Q.Tân Bình

		Giải Cờ vua vô địch thành phố	9	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Cờ tướng vô địch thành phố	10	Quận 4
		Giải Cờ vua Thể thao học sinh	11	Quận 1
11	Muay- Kickboxing	Giải vô địch Muay thành phố	4	Nhà Văn hóa Thanh Niên
		Giải Muay trẻ thành phố	6	Quận 3
		Giải vô địch Kickboxing	7	TT.DV TDTT
12	Bơi lội	Giải Bơi Thể thao học sinh	1	CLB BL Phú Thọ
		Giải Bơi vô địch trẻ thành phố	3	CLB Lam Sơn
		Giải Bơi lội Nhi đồng thành phố (Hồ 25m)	6	TT.TTDN Yết Kiêu
		Giải Bơi - Lặn năng khiếu thành phố	7	CLB Vân Đồn
		Giải Bơi - Lặn vô địch thành phố	8	TT.TTDN Yết Kiêu
		Giải Bơi Trung cao tuổi	9	CLB Nguyễn Tri Phương
13	Wushu	Giải Wushu Thể thao học sinh	3	NTL TT Phú Thọ
		Giải Wushu trẻ thành phố	6	NTL TT Phú Thọ
		Giải Wushu vô địch thành phố	8	NTL TT Phú Thọ
14	Judo	Giải Judo Thể thao học sinh	1	Q.Tân Bình
		Giải Judo trẻ thành phố	3	Q.Bình Thạnh
		Giải Judo năng khiếu thành phố	3	Q.Bình Thạnh
		Giải Judo vô địch thành phố	4	Quận 11
15	Pencak Silat	Giải Pencak Silat năng khiếu, trẻ thành phố	5	TP. Thủ Đức
		Giải Pencak Silat vô địch thành phố	6	Q.Tân Bình
16	Xe đạp	Giải Xe đạp trẻ thành phố	5	TP. Thủ Đức
17	Aerobic	Giải Aerobic Thể thao học sinh	3	Quận 4
		Giải Aerobic vô địch trẻ mở rộng	5	NTĐ Rạch Miễu
		Giải Aerobic vô địch mở rộng	7	Quận 11
18	Billiards & Snooker	Giải Billiards & Snooker A1 thành phố	3	Quận 10

		Giải Billiards & Snooker vô địch thành phố	5	CXD
19	Khiêu vũ Thể thao	Giải Khiêu vũ Thể thao VĐ thành phố mở rộng	10	NTĐ Rạch Miễu
20	Điền kinh	Giải Điền kinh Thể thao học sinh 2018 - 2019	1	TT.TDĐT Thống Nhất
		Ngày chạy Olympic " Vì sức khỏe toàn dân"	3	Thành phố Hồ Chí Minh
		Giải Điền kinh Cúp Tốc độ Thống Nhất	4	TT.TDĐT Thống Nhất
		Chạy Việt dã truyền thống 30/4	4	Quận 3
		Giải vô địch Điền kinh Trẻ thành phố	5	TT.TDĐT Thống Nhất
		Giải vô địch Điền kinh thành phố	7	TT.TDĐT Thống Nhất
		Giải Điền kinh bãi biển Thanh Thiếu niên thành phố	9	Huyện Cần Giờ
		Giải Điền kinh năng khiếu thành phố	10	TT.TDĐT Thống Nhất
		Giải Việt dã Vũ trang chào mừng ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam	12	Quận 3
21	Quần vợt	Giải Quần vợt Thể thao học sinh	1	CLB BL Phú Thọ
		Giải Quần vợt trẻ thành phố	2	CLB BL Phú Thọ
		Giải Quần vợt vô địch thành phố	7-8	CLB BL Phú Thọ
		Giải Quần vợt năng khiếu thành phố	11-12	CLB BL Phú Thọ
22	Cầu lông	Giải Cầu lông năng khiếu, trẻ thành phố	3	NTL TT Phú Thọ
		Giải Cầu lông vô địch đồng đội thành phố	5	NTL TT Phú Thọ
		Giải Cầu lông vô địch cá nhân thành phố	5	NTL TT Phú Thọ
		Giải Cầu lông trung cao tuổi	8	NTĐ TDĐT Phú Thọ
		Giải Cầu lông Cúp các câu lạc bộ	10	CXD
		Giải Cầu lông Thể thao học sinh	11	TT.TDĐT Quận 7
23	Cầu mây	Giải Cầu mây Thể thao học sinh	3	Quận 6
		Giải Cầu mây vô địch thành phố	6	Quận 6

		Giải Cầu mây năng khiếu thành phố	6	Quận 6
		Giải Cầu mây trẻ thành phố	6	Quận 6
24	Đá cầu	Giải Đá cầu Thể thao học sinh	1	Quận 6
		Giải Đá cầu vô địch thành phố	5	Quận 6
		Giải Đá cầu năng khiếu thành phố	6	Quận 6
		Giải Đá cầu trẻ thành phố	6	Quận 6
25	Taekwondo	Giải Taekwondo Thể thao học sinh	3	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Taekwondo trẻ thành phố	7	Q.Tân Phú
		Giải Taekwondo vô địch thành phố	8	Quận 4
		Giải Taekwondo năng khiếu thành phố	10	Q.Tân Phú
26	Bắn cung	Giải vô địch Bắn cung thành phố	6	TT.HL&TĐ TDTT/TP
27	Karatedo	Giải Karatedo vô địch thành phố	5	NTĐ TDTT Phú Thọ
		Giải Karatedo trẻ thành phố	6	Q.Phú Nhuận
		Giải Karatedo năng khiếu thành phố	6	Q.Phú Nhuận
		Giải Karatedo Thể thao học sinh	11	NTĐ TDTT Phú Thọ
28	BNT	Giải Bơi nghệ thuật các nhóm tuổi thành phố	9	Quận 5
29	Võ cổ truyền	Giải Võ cổ truyền Thể thao học sinh	3	Quận 7
		Giải Võ cổ truyền trẻ, năng khiếu thành phố	4	Nhà Văn hóa Thanh Niên
		Giải Võ cổ truyền vô địch thành phố	5	Nhà Văn hóa Thanh Niên
		Giải Võ cổ truyền cúp đối kháng mở rộng	9	TP. Thủ Đức
30	Lặn	Giải Lặn trẻ thành phố	3	CLB Lam Sơn
		Giải Lặn năng khiếu thành phố	7	CLB Vân Đồn
31	Boxing	Giải Boxing vô địch thành phố	3	NTL TT Phú Thọ
		Giải Boxing năng khiếu, trẻ thành phố	4	NTL TT Phú Thọ
32	Bóng ném	Giải Bóng ném trẻ thành phố	3	Quận 10

		Giải Bóng ném năng khiếu thành phố	6,7	Quận 6, Quận 10
		Giải Bóng ném vô địch thành phố	8	Quận 11
		Giải Bóng ném Thể thao học sinh	10,11	Quận 6, Quận 10, Q.Bình Thạnh
33	Bóng bàn	Giải Bóng bàn vô địch thành phố	1	TT.TDĐT Hoa Lư
		Giải Bóng bàn sinh viên thành phố	5	TT.TDĐT Hoa Lư
		Giải Bóng bàn năng khiếu thành phố	6	TT.TDĐT Hoa Lư
		Giải Bóng bàn trẻ thành phố	6	TT.TDĐT Hoa Lư
		Giải Bóng bàn Thể thao học sinh	10,11	TT.TDĐT Hoa Lư
34	Thể dục dụng cụ	Giải Thể dục dụng cụ trẻ và nhóm tuổi	2	CLB Trần Hưng Đạo
35	Khuyết tật	Giải người khuyết tật thành phố mở rộng	4	Quận 4, Q.Bình Thạnh, Quận 2
		Hội thao thân thiện cho người tự kỷ	6	Q.Bình Thạnh
36	Phong trào	HKPD/Thể thao học sinh Kéo co thành phố	1	Quận 11
		Giải vô địch Đẩy gậy thành phố	3	H.Nhà Bè
		Giải vô địch Kéo co thành phố	3	Q.Bình Thạnh
		Hội thao sinh viên thành phố	3	CXĐ
		Biểu diễn Giỗ tổ Hùng Vương	4	Quận 9
		Thể thao Hè	7	04 cụm
		HKPD/Thể thao học sinh Đẩy gậy thành phố	11	Q.Bình Tân
		Hoạt động Lân Sư Rồng	12	Quận 11
		Đồng diễn thể dục dưỡng sinh người cao tuổi	12	Quận 1
		Hỗ trợ hoạt động Thể thao Liên tịch	cả năm	
Các hoạt động Thể thao quần chúng khác	cả năm			

Bảng 4. Hiện trạng các hoạt động thi đấu TDTT

TT	Nội dung tổ chức	Thời gian	Đơn vị phối hợp tổ chức
1	Đại hội TDTT TP (4 năm/lần)	2009, 2014, 2018	24 quận huyện, các ban ngành
2	HKPD TP (4 năm/lần)	2015-2016; 2019-2020	Sở GD-ĐT, 24 quận huyện

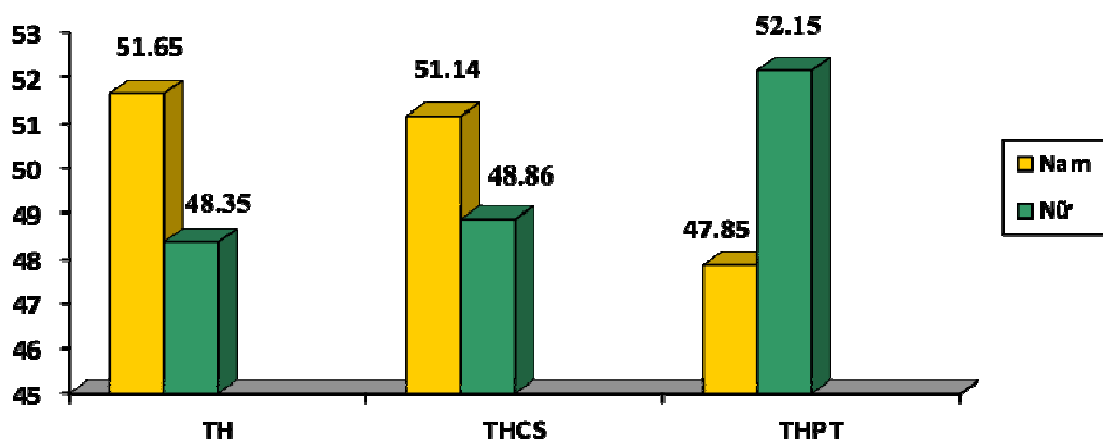
Bảng 5. Thống kê số lượng giải thi đấu thể thao cấp quận, huyện

Đơn vị	Số lượng giải	Số lượt VĐV tham gia	Lượt người xem
Quận 1	94	3695	7.200
Quận 2 (nay là TP. Thủ Đức)	53	7.142	12.000
Quận 3	83	1.878	15.000
Quận 4	63	13.692	12.584
Quận 5	60	11.133	30.148
Quận 6	55	8.834	6.000
Quận 7	66	24.201	100.000
Quận 8	52	8.296	74.620
Quận 9 (nay là TP. Thủ Đức)	43	1.026	11.056
Quận 10	50	1.200	800
Quận 11	75	14.560	16.000
Quận 12	50	9.942	24.000
H. Bình Chánh	47	7.303	10.579
Quận Bình Tân	45	9.337	7.000
Quận B.Thanh	54	8.602	22.500
H. Cần Giờ	57	3.127	4.000
Huyện Củ Chi	59	9.155	40.744
Quận Gò Vấp	77	1.300	700
Huyện Hóc Môn	60	13.227	19.840
Huyện Nhà Bè	48	6.432	5.498
Quận Phú Nhuận	60	8.190	15.000
Quận Tân Bình	52	6.285	3.000
Quận Tân Phú	52	13.528	9.000
Quận Thủ Đức	44	8.206	11.515

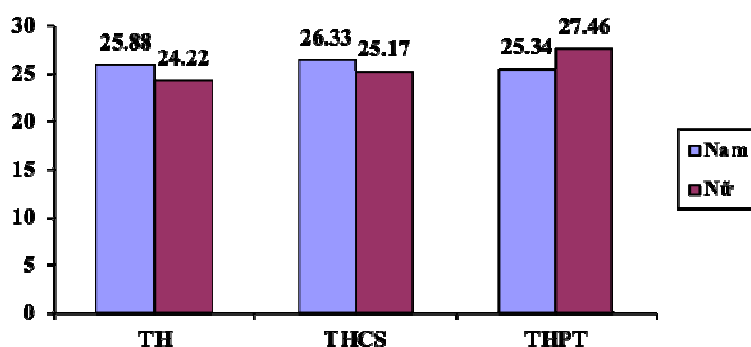
(nay là TP. Thủ Đức)			
Tổng	1.399	200.291	458.784

Bảng 6. Thực trạng hoạt động TDTT trong trường học

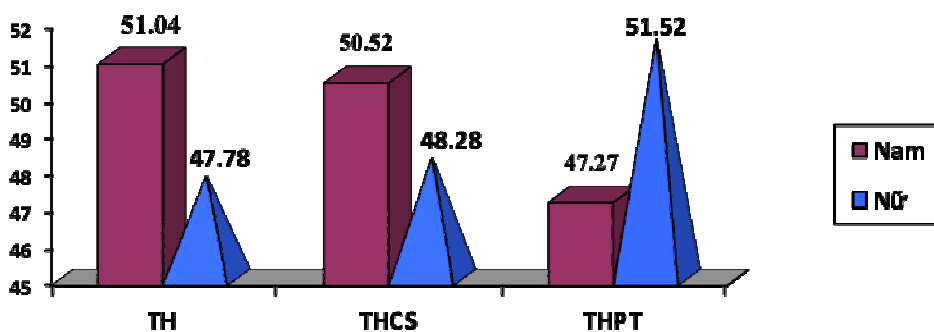
Nội dung	Tổng quát số lượng				Hình thức lên lớp						Đạt TCRLTT			Thi đấu			
					Chính khóa			Ngoại khóa						Số giải	Tổng số tham gia		
	Tổng số trường	Tổng số lớp	Tổng số HS	Tổng số nữ	Nam	Nữ	Tỷ lệ %	Nam	Nữ	Tỷ lệ %	Nam	Nữ	Tỷ lệ %		Nam	Nữ	tỷ lệ %
Cấp học																	
Tiểu học	498	13.739	542.484	262.265	280.219	262.265	100%	140.390	131.395	50,1%	276.912	259.170	98,82%	3.984	126.099	68.189	35,8%
THCS	259	8.622	341.809	167.013	174.796	167.013	100%	90.020	86.012	51,5%	172.698	165.009	98,80%	3.108	96.138	55.114	44,3%
PTTH	188	5.203	175.419	91.483	83.936	91.483	100%	44.455	48.182	52,8%	82.920	90.376	98,79%	2.256	52.040	27.445	45,3%
Tổng	945	27.564	1059.712	520.761	538.951	520.761		274.865	265.589		532.53	514.555		9.348	274.277	150.748	



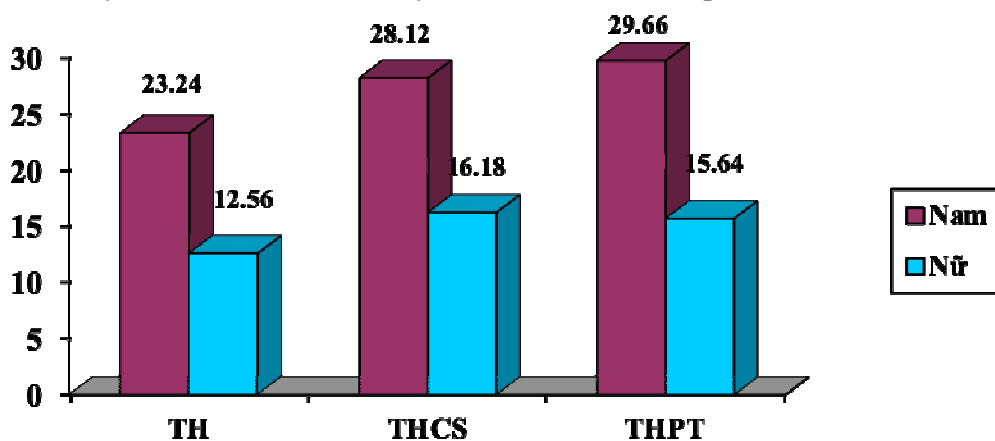
Biểu đồ 1: Tỷ lệ tập luyện chính khóa của các cấp học



Biểu đồ 2: Tỷ lệ tập luyện ngoại khóa của các cấp học



Biểu đồ 3: Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể thao của các cấp học



Biểu đồ 4: Tỷ lệ học sinh - sinh viên tham gia thi đấu của các cấp học

Bảng 7. Đối tượng nam, nữ tham gia tập luyện theo môn Thể thao năm 2019

Nội dung Môn TT	Tiểu học			THCS			PTTH		
	Nam	Nữ	Tỷ lệ %	Nam	Nữ	Tỷ lệ %	Nam	Nữ	Tỷ lệ %
Bóng đá	45.545		49,4	29.134		31,6	17.517		19
Bóng chuyền			0	9.299	8.691	62,1	6.171	4.809	37,9
BR	1.163	914	25,9	1.860	1.596	43,1	1.379	1.106	31
BB	867	715	25,9	1.344	1.295	43,2	996	892	30,9
BN	2.937	2.865	48,8	1.974	1.831	32	1.308	975	19,2
CL	7.905	6.712	49	5.131	4.445	32,1	3.520	2.118	18,9
QV									
ĐC-CM	3.288	2.759	26,3	5.220	4.622	42,8	3.771	3.334	30,9
Teakw	147	90	18,2	289	238	40,5	321	216	41,3
Judo			0	48	35	60,9	34	20	39,1
Karte			0	251	209	58,8	181	142	41,2

Tiểu học	498	13.739	542.484	775	4	0,52%	459	59,23%	260	33,55%	52	6,71%	650	84%	1/700	16%
THCS	259	8.622	341.809	985	5	0,51%	480	48,73%	500	50,76%	20	2,03%			1/347	
PTTH	188	5.203	175.419	821	12	1,46%	786	95,74%	3	0,37%					1/214	
Tổng	945	27.564	1.059.712	2.581	21	1%	1725	67%	763	30%	72	3%				

Bảng 10. Thực trạng hoạt động TDTT trong LLVT

Đơn vị Nội dung	Quân đội		Công An	
	Tỷ lệ %		Tỷ lệ %	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Giới tính	95.25%	5.75%	92.52%	7.48%
TL TDTT TX	95.25%	5.75%	92.52%	7.48%
Đạt tiêu chuẩn CS khỏe	97.53%	3.47%	91.98%	8.02%

Bảng 11. Cơ sở vật chất trong Quân đội

Chi tiết kiểm tra Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng công trình (cái)	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng	
				> 50%	< 50%
Bóng đá (11 người)	Sân	7	86.414	7	
Bóng đá mini	Sân	12	9.110	12	
Bóng chuyền	Sân	23		23	
* Sân đất	Sân				
* Sân xi măng	Sân	23	2.070	23	
Bóng bàn	Bàn	30		30	
Điền kinh	Sân				
* Đường chạy		10		10	
* Sân nhảy xa		9		9	
* Sân nhảy cao		1		1	
* Sân ném dĩa					
Bể bơi	Hồ	4	3.000	4	

Quần vợt	Sân	15	12.550	15	
Cầu lông	Sân	7	1.500	7	
* Sân đất					
* Sân xi măng					
Đá cầu					
* Sân đất					
* Sân xi măng		3		3	
Thể dục		20		20	
Bóng rổ		1		1	
Bàn bida		3		3	
Nhà thể thao	Nhà	5	23.621	5	
Các loại sân khác					
Tổng		150	138.265	150	

Bảng 12. Cơ sở vật chất trong Công an

Chi tiết kiểm tra Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng công trình (cái)	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng	
				> 50%	< 50%
Bóng đá (11 người)	Sân	2	16.500	2	
Bóng đá mini	Sân	12	9.600	10	2
Bóng chuyền	Sân	24	4.800	22	2
* Sân đất					
* Sân xi măng	Sân	24	4.800	24	
Bóng bàn	Bàn	24	720	24	
Điền kinh	Sân	1	6.000	1	
* Đường chạy		1		1	
* Sân nhảy xa		1		1	
* Sân nhảy cao		1		1	
* Sân ném dĩa		1		1	
Bể bơi	Hồ	1	120	1	
Quần vợt	Sân	8	2.600	8	
Cầu lông					

* Sân đất					
* Sân xi măng					
Đá cầu					
* Sân đất					
* Sân xi măng					
Thể dục					
Bóng rổ					
Bàn bida					
Nhà thể thao					
Các loại sân khác					
Tổng		100	45.140	96	4

Bảng 13. Thực trạng thi đấu năm 2019 của Công an

Nội dung Đơn vị	Thi đấu							
	Số giải tổ chức trong lực lượng vũ trang	Tổng số tham gia		Tỷ lệ % Nữ	Số giải ở các tổ chức khác	Tổng số tham gia		Tỷ lệ % Nữ
		Nam	Nữ			Nam	Nữ	
Quân đội	8	3.950	420	11%	2	650	120	19%
Công an	9	3.690	551	12.99%	1	300	0	0

Bảng 14. Về Thể thao Thành tích cao năm 2019

Chỉ tiêu theo QĐ 2777	KQ thực hiện 2015	KQ thực hiện 2016	KQ thực hiện 2017	KQ thực hiện 2018	KQ thực hiện 2019
VĐV, HLV các cấp - 2015: 2.020 người - 2020: 2.850 người	2.018	2.166	2.246	2711	2850
VĐV đạt đẳng cấp (cấp I) - 2015: 486 người - 2020: 534 người	492	506	520	271	534
VĐV đạt đẳng cấp	458	466	480	248	492

(Kiện tướng) - 2015: 460 người - 2020: 492 người					
--	--	--	--	--	--

Bảng 15: Số lượng VĐV nam, nữ trong từng môn thể thao năm 2019

Môn TT	Số lượng	Số lượng VĐV Nam (người)	Số lượng VĐV Nữ (người)	Tổng số	Tỷ lệ % VĐV bình quân trên tổng số
1. Bóng đá		113	97	210	10.81%
2. Bóng chuyền		41	27	68	3.50%
3. Bóng bàn		22	18	40	2.06%
4. Cầu lông		27	21	48	2.47%
5. Quần vợt		14	7	21	1.08%
6. Điền kinh		84	52	136	7.06%
7. Thể dục		36	59	95	4.89%
8. Bơi lội - Lặn		67	43	110	5.66%
9. Xe đạp		37	20	57	2.93%
10. Cờ vua		36	24	60	3.09%
11. Cờ tướng		25	21	46	2.36%
12. Bóng rổ		55	50	105	5.40%
13. Bóng ném		32	36	68	3.50%
14. Taekwondo		64	43	107	5.51%
15. Karatedo		25	18	43	2.21%
16. Vovinam		41	18	59	3.03%
17. Judo		36	20	56	2.88%
18. Pencak Silat		22	15	37	1.90%
19. Đua thuyền		28	11	39	2.00%
20. Wushu		14	11	25	1.28%
21. Võ Cổ truyền		35	17	52	2.67%
22. Các môn khác		304	155	459	23.64%
Tổng:		1.158	783	1.941	4.54%

Bảng 16. Phân bổ các tuyển năng khiếu Thể thao Thành phố.

TT	Tuyển đào tạo	Chỉ tiêu	HLV	VĐV
1	Dự tuyển	600	131	469

2	NKTT	685	148	537
3	Dự bị tập trung	1.110	215	895
4	Trọng điểm	455	120	335
	Tổng cộng	2.850	614	2.236

**Bảng số 17. Số lượng vận động viên
và môn thể thao tham gia kiểm tra năm 2019.**

STT	Môn	Số Vận động viên
1	Xe Đạp	40
2	Judo	48
3	Wushu	33
4	Thể Hình	39
5	Muay	30
6	Bi Sắt	28
7	Bắn Cung	6
8	Kick Boxing	12
9	Võ Cổ Truyền	54
10	Đua Thuyền	13
11	Kiểm	31
12	Cầu Lông	18
13	Taekwondo	102
14	Bắn Súng	45
15	Pencat Silat	32
16	Cử Tạ	32
17	Karatedo	53
18	Boxing	30
19	Tddc	37
20	Quần Vợt	26
21	Bóng Ném	84
22	Dance Sport	3
23	Bóng Bàn	35
24	Bơi Lội	78

25	Bóng Rổ	67
26	Cờ Vua	67
27	Aerobic	40
Tổng cộng	27 môn	1083 vđv

Bảng 18. Thực trạng cơ chế chính sách, quản lý thể thao chuyên nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh.

TT	Nội Dung	Môn Bóng đá	Các môn thể thao khác
1	Điều lệ và quy chế hoạt động của CLB do đơn vị nào quản lý.	Công ty quản lý và điều hành.	Liên đoàn, Sở văn hóa thể thao Tp.HCM, Công ty Cổ phần hóa.
2	Cơ cấu tổ chức lãnh đạo của CLB gồm những thành phần.	Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.	Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Giám đốc điều hành; Giám đốc kỹ thuật.
3	Phòng - Ban của CLB	Chưa đầy đủ nhân sự - Kiêm nhiệm	Thiếu các vị trí ở phòng ban chức năng.
4	Về cơ sở vật chất hiện nay của CLB	Thuê mượn. Chưa đạt yêu cầu về trang thiết bị tập luyện và thi đấu Chưa có trung tâm và học viện đào tạo VĐV.	Thuê mượn. Chưa đạt yêu cầu về trang thiết bị tập luyện và thi đấu Chưa có trung tâm và học viện đào tạo VĐV.
5	Công tác chuyển nhượng VĐV chuyên nghiệp	Có, nhưng hiệu quả không cao.	Có, nhưng hiệu quả không cao.
6	Số lượng trận đấu, giải đấu đội chuyên nghiệp tham gia	Trong nước	<20 trận/ mùa
		Nước ngoài	<10 trận/ mùa
7	Số lượng trận đấu, giải đấu đội trẻ tham gia	Trong nước	<20 trận/ mùa
		Nước ngoài	<10 trận/ mùa

(Nguồn khảo sát 2020)

Bảng 19. Thực trạng về nguồn nhân lực hoạt động thể thao chuyên nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh.

TT	Nội dung	Bóng đá		Các môn khác	
		Nhân	Chất lượng	Nhân	Chất lượng

		lực		lực	
1	Nhân sự các Phòng Ban của CLB	Chưa đầy đủ	Kiểm nhiệm, Thiếu các vị trí ở phòng ban chức năng.	Chưa đầy đủ	Thiếu các vị trí ở phòng ban chức năng - Kiểm nhiệm
2	Chuyên gia	0		0	
3	HLV	2-3 người/đội	Thiếu về số lượng, kiểm nhiệm nhiều vị trí	1-2 người/đội	Thiếu về số lượng, kiểm nhiệm nhiều vị trí
4	VĐV	2-3 đội/CLB	Không thuộc CLB quản lý (thiếu về số lượng)	1-2 đội/CLB	Thiếu VĐV trẻ ở nhiều tuyến

Bảng 20. Thực trạng tài chính hoạt động thể thao chuyên nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

NGUỒN THU				NGUỒN CHI			
TT	Nội dung	Bóng đá (Tỷ trọng)	Bóng rổ (Tỷ trọng)	TT	Nội dung	Bóng đá (Tỷ trọng)	Bóng rổ (Tỷ trọng)
1	Tài trợ	70%	20%	1	Lương cán bộ	10%	15%
2	Tư nhân		60%	2	Cơ sở vật chất	10%	15%
3	Truyền thông, Bản quyền truyền hình.	5%	5%	3	Chuyển nhượng	25%	
4	Bán vé	15%	10%	4	Lương VĐV	40%	30%
5	Doanh nghiệp	5%		5	Khen thưởng	10%	
6	Đồ lưu niệm	5%	5%	6	Các chi phí khác	5%	40%

Bảng 21. Hiện trạng đội ngũ cán bộ TDTT năm 2019

Trình độ	Đội ngũ cán bộ CCVC ngành TDTT											Tỷ lệ CBQL/TSCBBC		
	Nam	Nữ	Tổng số	Sau đại học		Đại học		Cao đẳng		Trung cấp		Chuyên môn khác	Số lượng	Tỷ lệ CBQL/TSCBBC
				TS (sl)	ThS (sl)	Số lượng	Ti lệ %	Số lượng	Ti lệ %	Số lượng	Ti lệ %			
Lãnh đạo cấp sở	3	1	4	0	3	1	33,3%					4	1,3%	
Cấp Phòng Ban Sở, TT TDTT, VH-TDTT QH	73	72	145	2	29	108						145	7,6%	

Cán bộ quản lý (đơn vị ngành TDTT)	20	7	27	4	8	15							27	11,5%
HLV	610	136	746		13	318	52%	147	18%	149	20%	18		
Giáo viên TDTT	1.549	1.032	2.581		21	1.745	67%	763	29%	72	3%			
HDV	527	141	668							467	70%			

Bảng 22. Tổng hợp cán bộ TDTT Thành phố Hồ Chí Minh năm 2019

	2019	GHI CHÚ
I. TÔNG SỐ CB - CNV	4.126	
II. TRÌNH ĐỘ		
• Trên đại học	59	
• Đại học	2.169	
• Cao đẳng	910	
• Trung cấp	221	
• Chuyên môn khác	18	
III. NGOẠI NGỮ		
• Anh văn	3.120	
• Nga văn	450	
• Hoa văn - Nhật - Pháp	556	
IV. TÔNG SỐ TRƯỜNG	498	
• Cấp 1	256	
• Cấp 2	188	
• Cấp 3	>100	
• Cao đẳng, ĐH		
V. TÔNG SỐ GIÁO VIÊN		
• Cấp 1 + 2	1.860	
• Cấp 3	821	
• ĐH, CĐ, THCN	>500	
VI. LÚA TUỔI (Ngành TDTT)		
• 20 - 30	1.238	
• 31 - 50	2.063	
• 50 trở lên	825	
VII. GIỚI TÍNH (Ngành TDTT)		
• Nam	2.799	
• Nữ	1.327	

Bảng 23. Phân bố cán bộ TDTT trong các Trung tâm Quận, Huyện, xã, phường, thị trấn năm 2019.

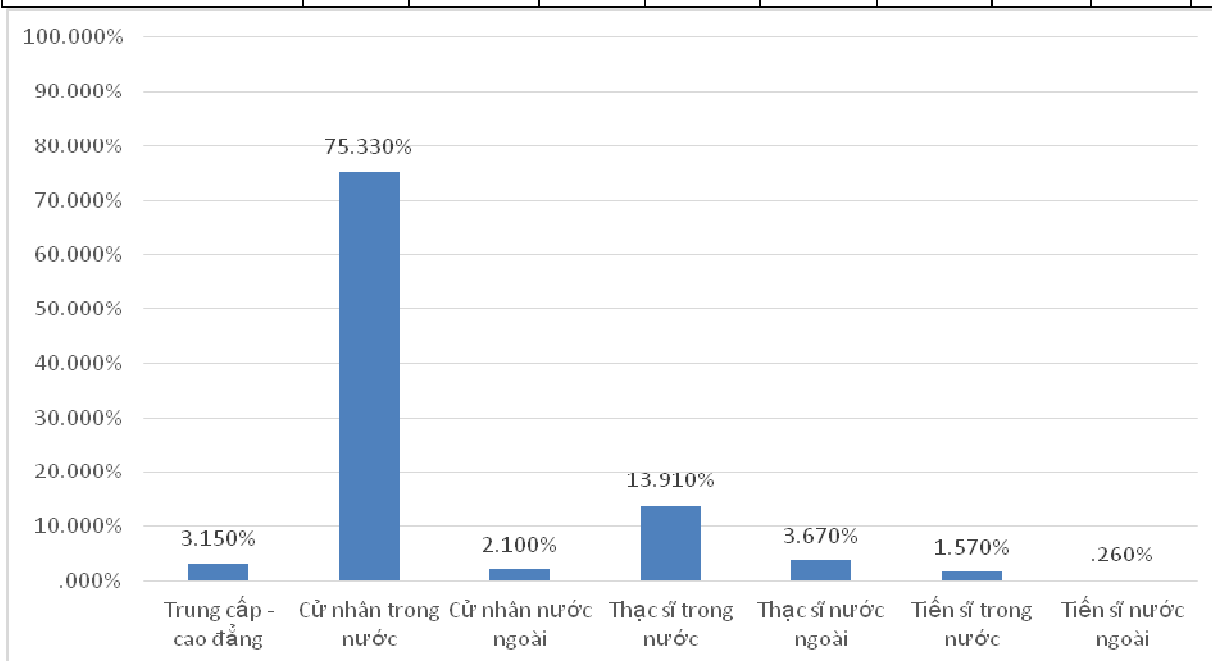
Nội dung Tên quận	Tổng nhân sự quận/huyện	Số lượng cán bộ quản lý quận/huyện	Số lượng cán bộ quản lý Xã, Phường, TT	Số lượng HDV cộng tác viên cơ sở trường học +
----------------------	----------------------------	--	--	---

					CTV bộ môn	
	Nam	Nữ			Nam	Nữ
Quận 1	113	42	4	10	120	45
Quận 2	15	3	3	11	16	2
Quận 3	18	4	3	14	116	48
Quận 4	56	16	5	0	28	11
Quận 5	68	18	4	10	10	2
Quận 6	13	3	3	14	85	24
Quận 7	20	2	10	10	28	6
Quận 8	27	6	3	16	58	7
Quận 9	24	6	13	13	85	
Quận 10	68	24	19		15	4
Quận 11	13	3	7	16	42	12
Quận 12	10	3	2	11	37	10
Huyện Bình Chánh	6	1	2	25	135	15
Quận Bình Tân	12	1	2	10	9	2
Quận Bình Thạnh	71	28	27	20	25	
Huyện Cần Giờ	15	2	12	7	57	4
Huyện Củ Chi	18	3	3	21	40	8
Quận Gò Vấp	20	3	3	16	90	10
Huyện Hóc Môn	23	3	11	12	84	20
Huyện Nhà Bè	20	3	2	0	9	
Quận Phú Nhuận	83	35	13	20		
Quận Tân Bình	82	25	4	15	142	32
Quận Tân Phú	14	4	11	11	21	2
Quận Thủ Đức	17	4	3	12	31	10
Tổng	826	242	169	294	1.283	274

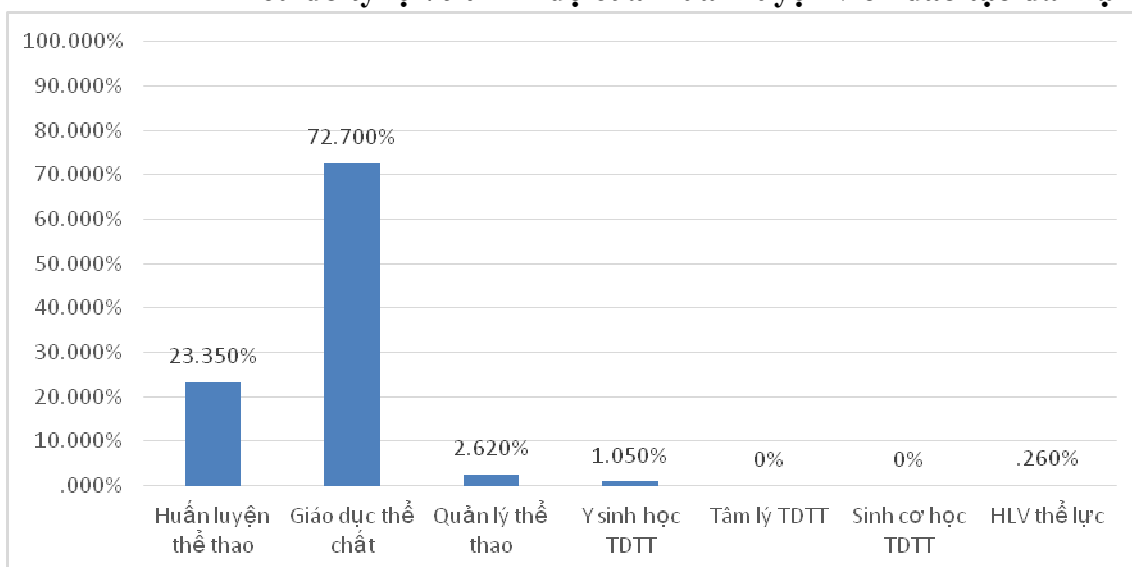
Bảng 24. Đào tạo dài hạn (n=381).

Trình độ/ chuyên ngành	Huấn luyện thể thao	Giáo dục thể chất	Quản lý thể thao	Y sinh học TĐTT	Tâm lý TĐTT	Sinh cơ học TĐTT	HLV thể lực	Tổng	Tỷ lệ
Trung cấp - cao đẳng	4	8						12	3.15
Cử nhân trong nước	70	210	4	3				287	75.33

Cử nhân nước ngoài	8							8	2.10
Thạc sĩ trong nước	4	47	1	1				53	13.91
Thạc sĩ nước ngoài		9	4				1	14	3.67
Tiến sĩ trong nước	2	3	1					6	1.57
Tiến sĩ nước ngoài	1							1	0.26
Tổng	89	277	10	4	0	0	1	381	
Tỷ lệ	23.35	72.70	2.62	1.05	0.00	0.00	0.26		



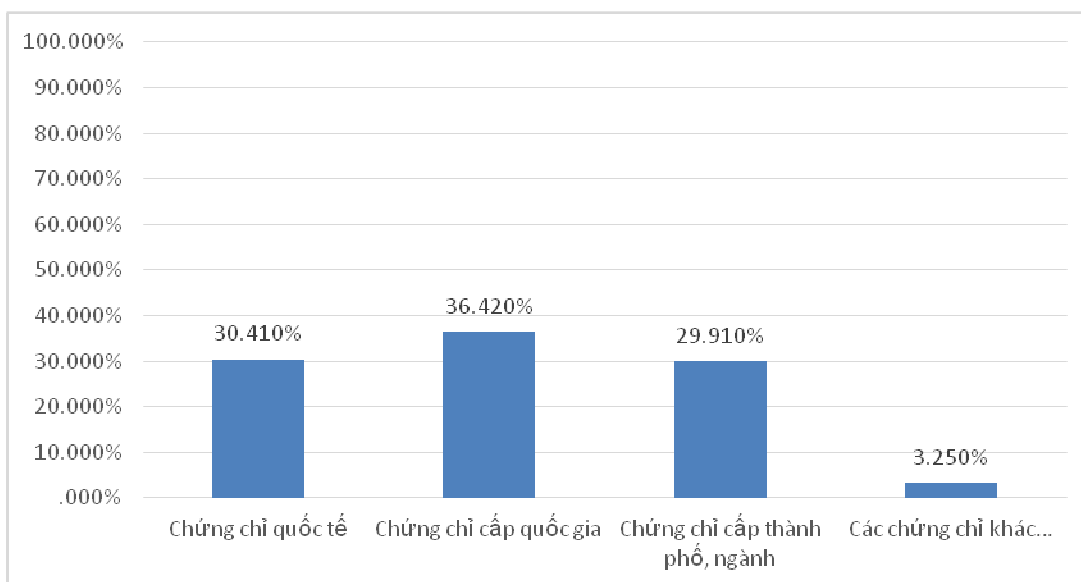
Biểu đồ tỷ lệ % trình độ của Huấn luyện viên đào tạo dài hạn.



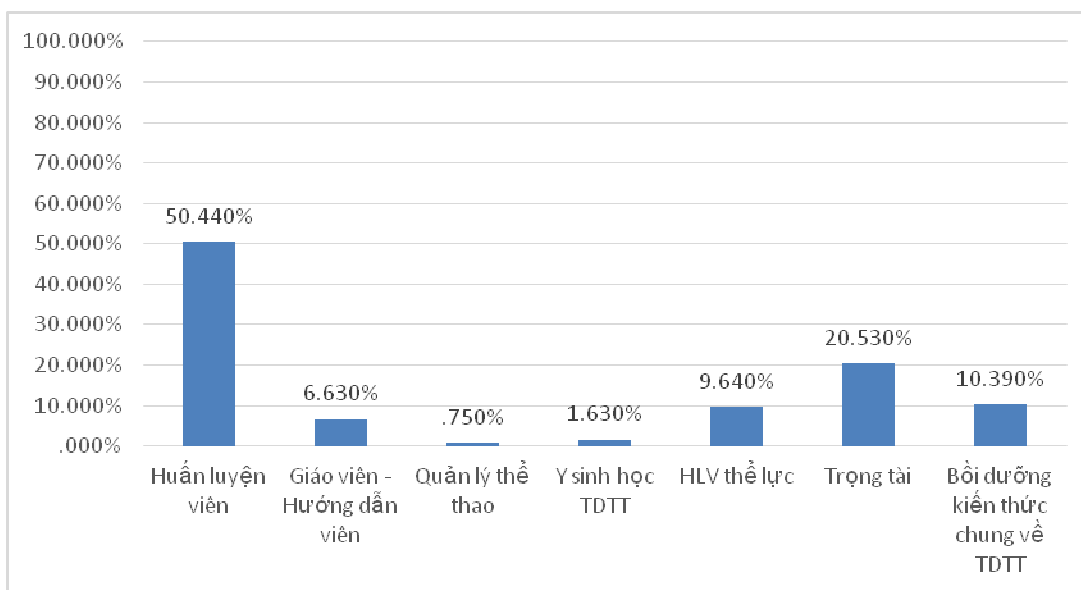
Biểu đồ tỷ lệ % chuyên ngành của Huấn luyện viên đào tạo dài hạn.

Bảng 25. Đào tạo ngắn hạn.

Trình độ/ chuyên ngành	Huấn luyện viên	Giáo viên - Hướng dẫn viên	Quản lý thể thao	Y sinh học TDTT	HLV thể lực	Trọng tài	Bồi dưỡng kiến thức chung về TDTT	Tổng	Tỷ lệ
Chứng chỉ quốc tế (IOC, Liên đoàn/ hiệp hội thể thao quốc tế)	154	29	1		10	42	7	243	30.41
Chứng chỉ cấp quốc gia (Ủy ban Olympic VN, Liên đoàn/ hiệp hội thể thao quốc gia...)	159	10	3	1	16	72	30	291	36.42
Chứng chỉ cấp thành phố, ngành	80	14	2	12	46	45	40	239	29.91
Các chứng chỉ khác...	10				5	5	6	26	3.25
Tổng	403	53	6	13	77	164	83	799	
Tỷ lệ	50.44	6.63	0.75	1.63	9.64	20.53	10.39		



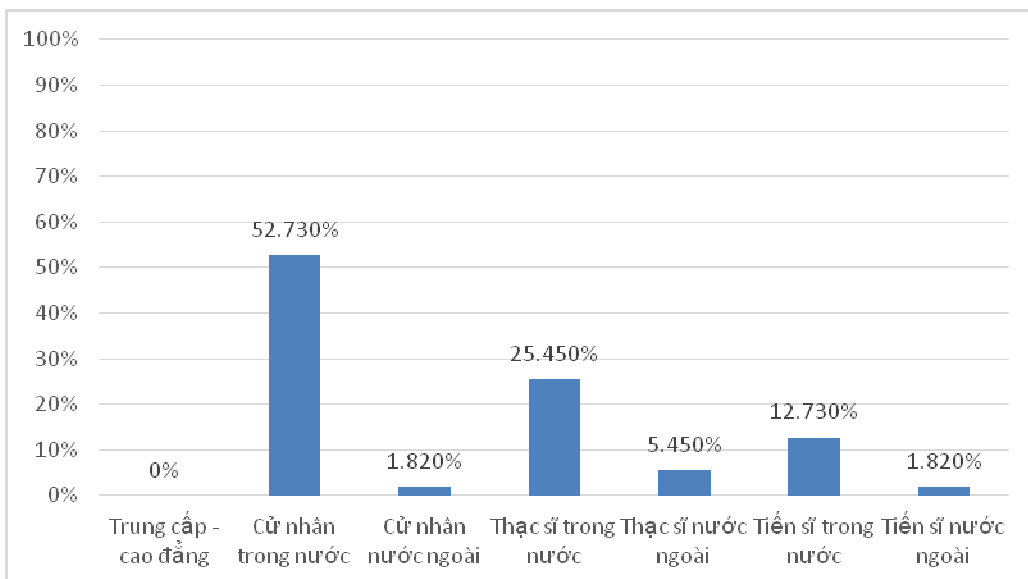
Biểu đồ tỷ lệ % trình độ Cấp chứng chỉ của Huấn luyện viên đào tạo ngắn hạn



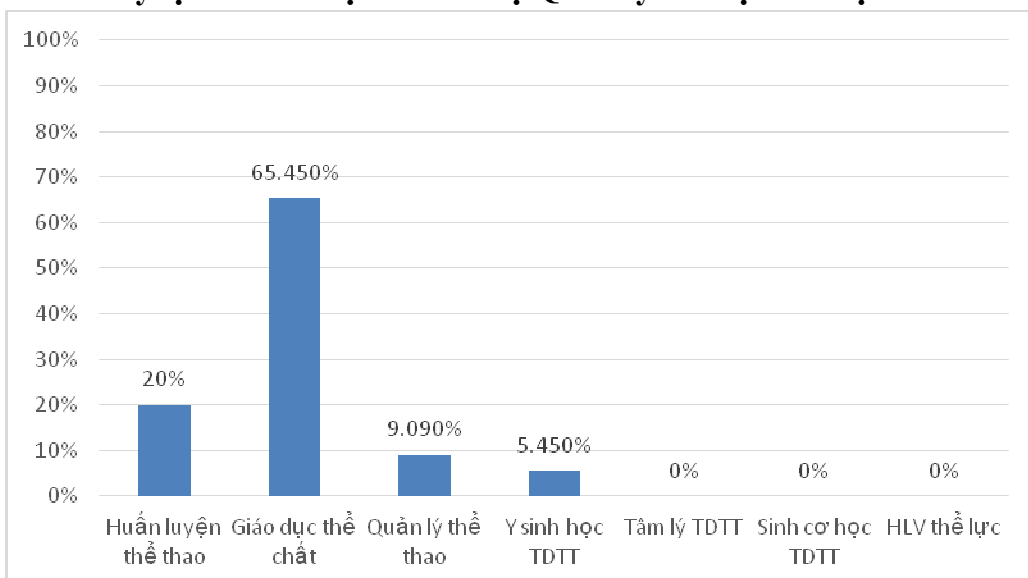
Biểu đồ tỷ lệ % chuyên ngành của Huấn luyện viên đào tạo ngắn hạn

Bảng 26. Đào tạo dài hạn (n=55)

Trình độ/ chuyên nghiệp	Huấn luyện thể thao	Giáo dục thể chất	Quản lý thể thao	Y sinh học TDTT	Tâm lý TDTT	Sinh cơ học TDTT	HLV thể lực	Tổng	Tỷ lệ
Trung cấp - cao đẳng								0	0
Cử nhân trong nước	7	19	2	1				29	52.7 3
Cử nhân nước ngoài		1						1	1.82
Thạc sĩ trong nước	1	11	1	1				14	25.4 5
Thạc sĩ nước ngoài		1	2					3	5.45
Tiến sĩ trong nước	2	4		1				7	12.7 3
Tiến sĩ nước ngoài	1							1	1.82
Tổng	11	36	5	3	0	0	0	55	
Tỷ lệ %	20	65.45	9.09	5.45	0.0	0.0	0.0		



Biểu đồ tỷ lệ % trình độ của cán bộ Quản lý đào tạo dài hạn

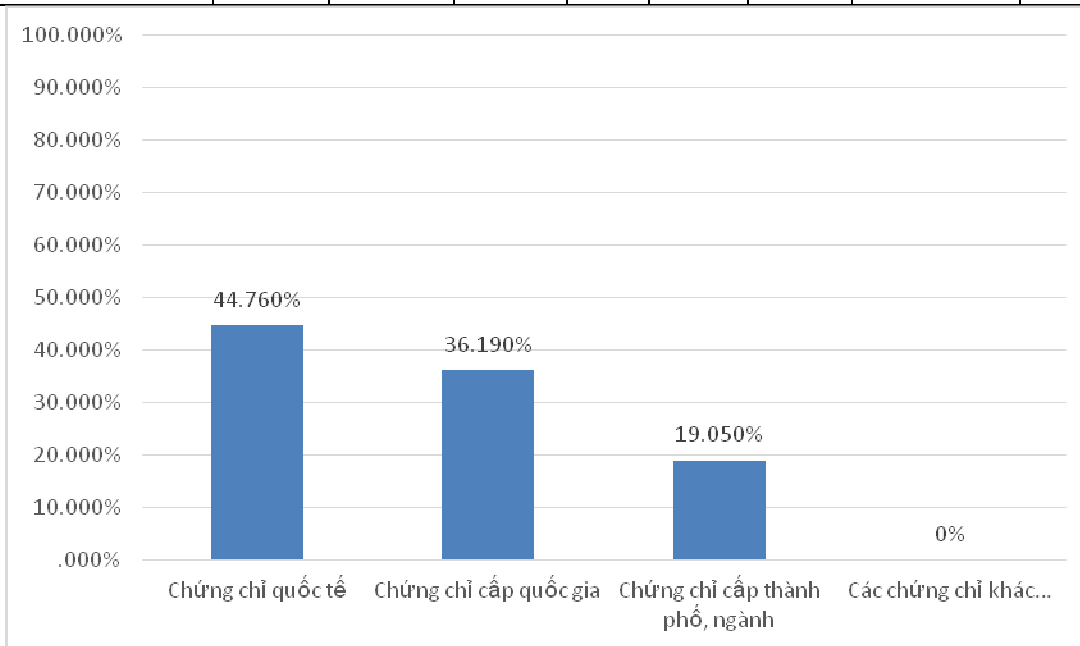


Biểu đồ tỷ lệ % chuyên ngành của cán bộ Quản lý đào tạo dài hạn

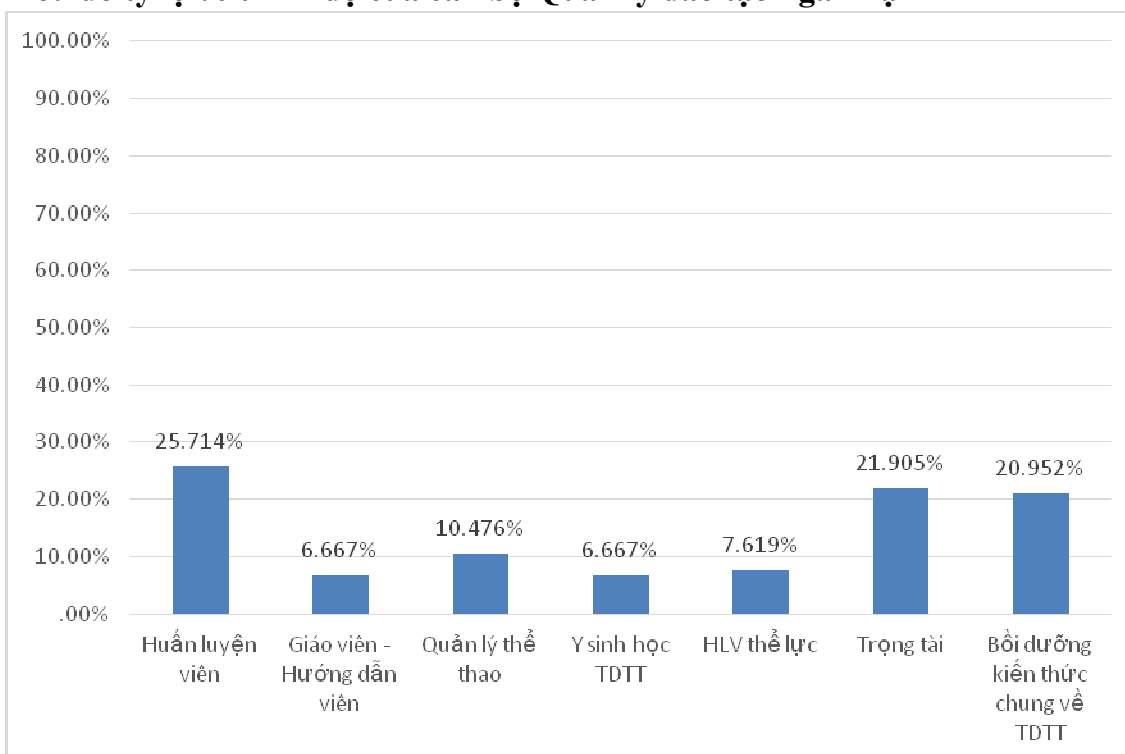
Bảng 27. Đào tạo ngắn hạn.

Trình độ/ chuyên ngành	Huấn luyện viên	Giáo viên - Hướng dẫn viên	Quản lý thể thao	Y sinh học TDTT	HLV thể lực	Trọng tài	Bồi dưỡng kiến thức chung về TDTT	Tổng	Tỷ lệ
Chứng chỉ quốc tế (IOC, Liên đoàn/ hiệp hội thể thao quốc tế)	17	6	6	1	1	11	5	47	44.76
Chứng chỉ cấp quốc gia (Ủy ban Olympic VN, Liên đoàn/	8	1	1	2	1	12	13	38	36.19

<i>hiệp hội thể thao quốc gia...)</i>									
Chứng chỉ cấp thành phố, ngành	2		4	4	6		4	20	19.05
Các chứng chỉ khác...								0	0.00
Tổng	27	7	11	7	8	23	22	105	
Tỷ lệ	25.7%	6.7%	10.5%	6.7%	7.6%	21.9%	21.0%		



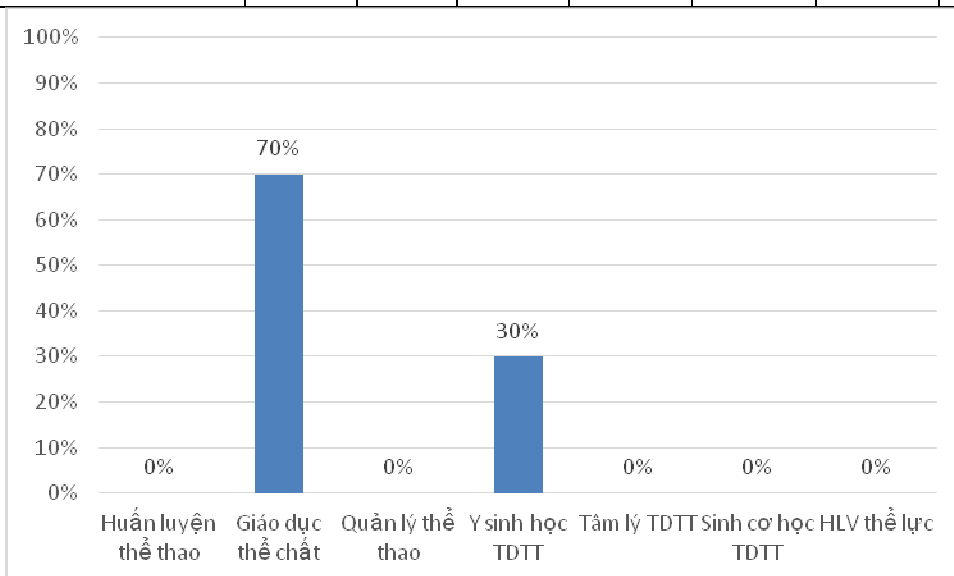
Biểu đồ tỷ lệ % trình độ của cán bộ Quản lý đào tạo ngắn hạn

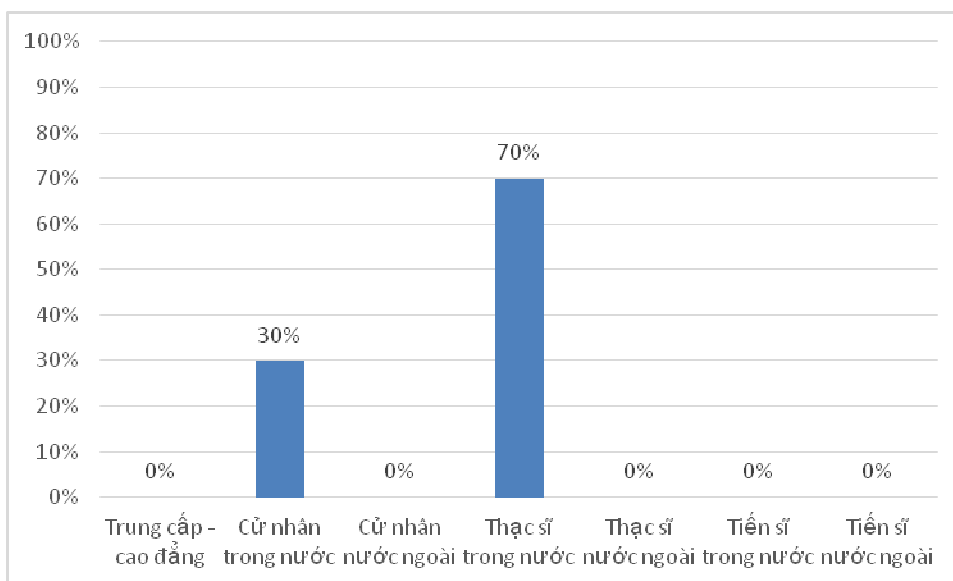


Biểu đồ tỷ lệ % chuyên ngành của bộ Quản lý đào tạo ngắn hạn.

Bảng 28. Đào tạo dài hạn (n=10).

Trình độ/ chuyên ngành	Huấn luyện thể thao	Giáo dục thể chất	Quản lý thể thao	Y sinh học TDTT	Tâm lý TDTT	Sinh cơ học TDTT	HLV thể lực	Tổng	Tỷ lệ
Trung cấp - cao đẳng								0	0
Cử nhân trong nước				3				3	30
Cử nhân nước ngoài								0	0
Thạc sĩ trong nước		7						7	70
Thạc sĩ nước ngoài								0	0
Tiến sĩ trong nước								0	0
Tiến sĩ nước ngoài								0	0
Tổng	0	7	0	3	0	0	0	10	
Tỷ lệ	0	70	0	30	0	0	0		

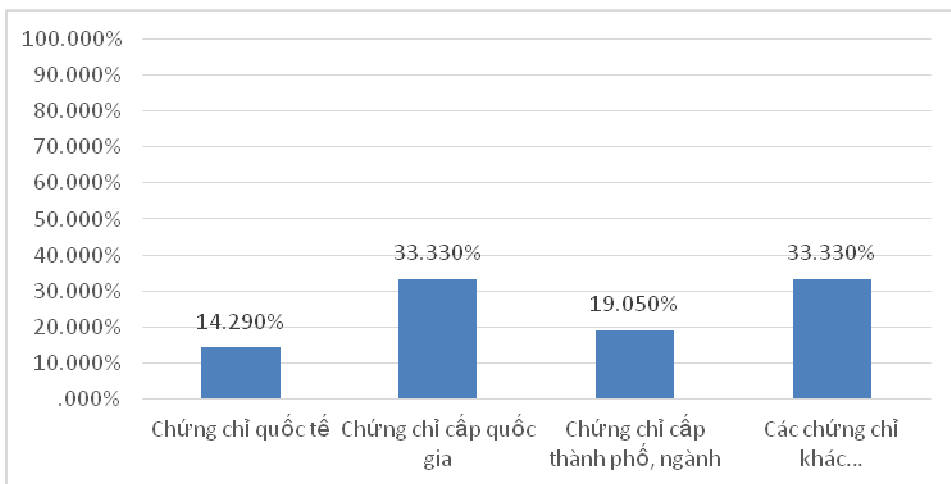
**Biểu đồ tỷ lệ % trình độ của nghiên cứu viên, kỹ thuật viên đào tạo dài hạn.**



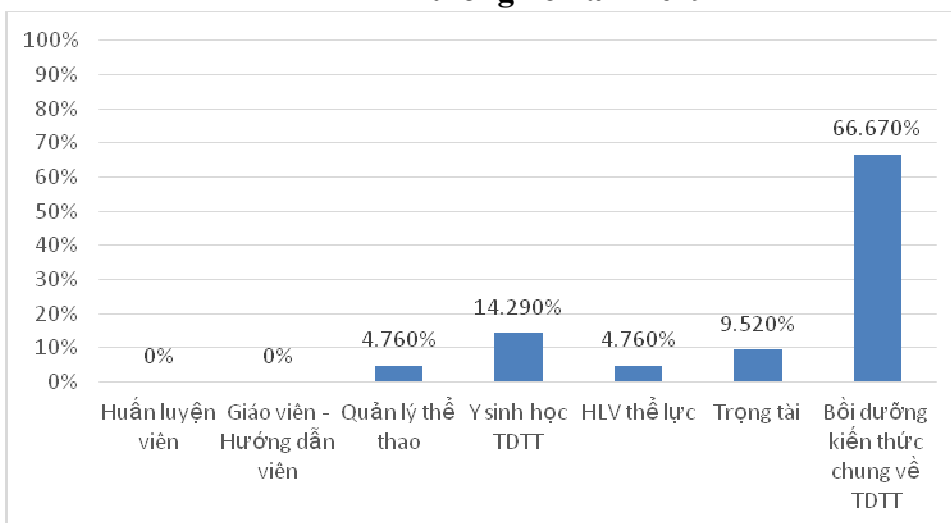
Biểu đồ tỷ lệ % chuyên ngành của nghiên cứu viên, kỹ thuật viên đào tạo dài hạn.

Bảng 29. Đào tạo ngắn hạn.

Trình độ/ chuyên ngành	Huấn luyện viên	Giáo viên - Hướng dẫn viên	Quản lý thể thao	Y sinh học TDDT	HLV thể lực	Trọng tài	Bồi dưỡng kiến thức chung về TDDT	Tổng	Tỷ lệ
Chứng chỉ quốc tế (IOC, Liên đoàn/ hiệp hội thể thao quốc tế)			1	2				3	14.29
Chứng chỉ cấp quốc gia (Ủy ban Olympic VN, Liên đoàn/ hiệp hội thể thao quốc gia...)						1	6	7	33.33
Chứng chỉ cấp thành phố, ngành					1	1	2	4	19.05
Các chứng chỉ khác...				1			6	7	33.33
Tổng	0	0	1	3	1	2	14		
Tỷ lệ	0	0	4.76	14.29	4.76	9.52	66.67		



Biểu đồ tỷ lệ % trình độ của nghiên cứu viên, kỹ thuật viên đào tạo ngắn hạn thống kê năm 2019



Biểu đồ tỷ lệ % chuyên ngành của nghiên cứu viên, kỹ thuật viên đào tạo ngắn hạn thống kê năm 2019.

Bảng 30. Các công trình TDTT hiện do Thành phố.

TT	Tên công trình	Hiện trạng (m ²)
1	Trung tâm TDTT dưới nước Yết Kiêu	8.753
2	Trung tâm TDTT Hoa Lư	22.000
3	CLB Thể thao Trần Hưng Đạo	2.374
4	Khu liên hợp TDTT rạch Chiếc (dự kiến)	1.800.000
5	Trung tâm TDTT Phan Đình Phùng (dự kiến)	15.465
6	Sân vận động Thống Nhất	36.540
7	Trung tâm huấn luyện và thi đấu Thành phố	253.000
8	Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ	47.759
9	Nhà tập luyện TT Phú Thọ	18.149

10	CLB Bơi lặn Phú Thọ	14.000
11	CLB Quần vợt Phú Thọ (thuộc CLB Bơi lặn Phú Thọ)	18.894
12	CLB Thể thao Thanh Đa	12.880
	Tổng	2.250.084

Bảng 31. Các công trình TDTT hiện do quận, huyện quản lý.

Tên công trình	Hiện trạng (m ²)
Quận 1	
Nhà thi đấu Nguyễn Du	10.000
CLB thể thao đa năng Nguyễn Du	2.126
CLB Tao Đàn	14.394
CLB Bơi Lội Nguyễn Bình Khiêm	2.904
Quận 2	
Trung tâm TDTT Quận 2	980
CLB Bơi lội An Phú	3.739
Khu TDTT Quận 2	
CLB TDTT Thảo Điền	
Quận 3	
Trung tâm TDTT Hồ Xuân Hương	4.896
CLB 193/1C Nam Kỳ Khởi Nghĩa	740
Hồ Bơi Kỳ Đồng	3.704
Quận 4	
Nhà thi đấu, tập luyện Vân Đồn	10.800
Hồ Bơi Vân Đồn	1.500
Sân bóng đá Khánh Hội	7.000
Khu thể thao khu công viên Khánh Hội	
Quận 5	
Trung tâm TDTT Quận (CLB Tinh Võ)	2.000
CLB Bơi lội Lam Sơn	5.717
CLB thể thao Lê Hồng Phong	642
CLB Lê Chí	520
Công trình TDTT (Trường ĐH Sư Phạm TDTT)	

Quận 6	
Nhà thi đấu Quận 6	4.500
Sân Bóng đá Quận 6	19.500
CLB đa môn Hương Bình	895
CLB Bơi lội Phú Lâm	2.455
Quận 7	
Trung tâm TDTT Quận 7	1.448
Trung tâm TDTT Quận 7 - Cơ sở 2	9.012
Sân vận động Quận 7	32.449
Quận 8	
Trung tâm TDTT Quận 8	33.000
Hồ Bơi Quận 8	
Quận 9	
Trung tâm TDTT Quận 9	45.242
CLB Bóng đá Phước Long A	10.000
Sân vận động Long Phước	10.000
Quận 10	
Nhà thi đấu và tập luyện Nguyễn Tri Phương	2.505
CLB Nguyễn Tri Phương	2.516
CLB Bơi lội Nguyễn Tri Phương	6.897
Sân vận động Kỳ Hòa	7.000
Sân Bi sắt (C30)	
Quận 11	
Nhà thi đấu Lãnh Binh Thăng	6.300
Khu TDTT phường 3, Quận 11	
Quận 12	
Nhà thi đấu đa năng TDTT Quận 12	5.550
Sân Bóng đá Cây Sộp 1(ngoài công lập)	9.100
Sân Bóng đá Cây Sộp 3 (ngoài công lập)	9.680
Nhà thi đấu Quận (phường Hiệp Thành)	
Quận Bình Thạnh	
Trung tâm TDTT Quận Bình Thạnh	27.157

Hồ Bơi Đại Đồng	3.142
CLB Quần Vợt Gia Định	7.500
Khu TDTT 44 đường D3 (phường 25)	29.000
CLB Li Đô (290 Nơ Trang Long, P.12)	4.000
Quận Gò Vấp	
Trung tâm TDTT Quận Gò Vấp	20.026
Hồ Bơi Quận Gò Vấp	3.447
Quận Phú Nhuận	
Trung tâm TDTT Quận Phú Nhuận	5.429
Nhà thi đấu và hồ bơi Rạch Miễu	17.000
CLB TDTT Chi Lăng	800
CLB Bóng đá Phú Nhuận	16.000
CLB TDTT học đường phường 10	2.476
Quận Tân Bình	
Trung tâm VH-TDTT Quận Tân Bình	32.402
CLB Bơi lội Cộng Hòa	3.000
CLB Bàu Cát	10.951
CLB thể thao 2 tháng 9	2.045
CLB thể thao Lý Thường Kiệt	1.594
Quận Tân Phú	
Trung tâm VH-TDTT Quận Tân Phú	1.379
CLB thể thao Tây Thạnh	10.917
Khu TDTT Công viên Tân Thắng	
Quận Thủ Đức	
Trung tâm TDTT Quận Thủ Đức	11.000
Trung tâm TDTT Quận (phường Tam Phú)	
Sân Bóng đá Linh Xuân	10.800
Nhà VH-TT phường Bình Chiểu	7.966
Nhà VH-TT phường Hiệp Bình Phước	6.174
Nhà VH-TT phường Hiệp Bình Chánh	4.991
Nhà VH-TT phường Linh Trung	10.300
Hồ Bơi thiếu nhi Quận	1.200

Hồ Bơi Quốc tế	600
CLB Hiệp Bình Phước	1.500
Động Đình Hồ	1.000
Quận Bình Tân	
Trung tâm VH-TDĐT	3.260
CLB thể thao Quận và công viên	24.790
Trung tâm VHTT liên phường Tân Tạo A	3.600
Trung tâm VHTT liên phường Bình Trị Đông	5.400
Trung tâm VHTT liên phường Bình Hưng Hòa A	2.600
Huyện Bình Chánh	
CLB VH-TDĐT liên xã Hưng Long	10.790
CLB VH-TDĐT liên xã Vĩnh Lộc A	16.283
CLB VH-TDĐT huyện	31.238
CLB Bơi lội Bình Chánh	10.000
Sân vận động Thành Long (ngoài công lập)	113.500
Huyện Cần Giờ	
Trung tâm TDĐT huyện Cần Giờ	2.600
Sân bóng đá xã Long Hòa	10.656
Nhà VHTT xã Tam Thôn Hiệp	10.214
Sân Bóng đá Xã Thạnh An	3.200
Sân Bóng đá xã Lý Nhơn	30.000
Huyện Củ Chi	
Sân vận động huyện Củ Chi	14.805
Hồ Bơi Ấp Hậu	180
Trung tâm VHTT xã Tân Thông Hội (ấp Tân Tiến)	11.000
Nhà văn hóa xã Thái Mỹ	11.574
Nhà văn hóa cụm An Nhơn Tây	7.983
Huyện Hóc Môn	
CLB TDĐT huyện Hóc Môn	1.136
CLB VH TDĐT Xuân Thới Thượng	12.223
Sân Bóng đá Thới Tứ	23.652
Sân Bóng đá Tân Xuân	7.856

* Sân xi măng									
Đá cầu	Sân	21	15	2.000	6				
* Sân đất									
* Sân xi măng									
Thẻ đục	Sân	11	11						
Bóng rổ	Sân	24	23	8.600			1	200	
Bàn bida	Bàn	6.541	5				6.536	137.320	
Nhà thể thao	Nhà	35	35	33.497					
Các loại sân khác	Sân	574	13	9.470	44	3.300	517	3.119.081	
Tổng		8.685	321	215.231	103	363.675	8.522	4.092.385	

Bảng 33. Thực trạng phân bổ nguồn kinh phí phát triển ngành TDTT giai đoạn 2015 - 2019 của Sở Văn hóa và Thể thao (triệu đồng).

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm				
		2015	2016	2017	2018	2019
1.	Ngân sách chi ngành TDTT, trong đó: + Kinh phí thường xuyên + Kinh phí xây dựng cơ bản	249.982	227.687	362.647	362.647	403.789
		8.777	8.777	18.470	13.069	11.202
		7.345	6.954	7.686	9.865	7.832
2.	Kinh phí chi cho các hoạt động TDTT quần chúng	845	684	1.253	1.264	1.456
3.	Kinh phí chi cho các hoạt động thể thao thành tích cao	89.638	96.384	105.638	1.125	120.683
4.	Kinh phí đào tạo	136.563	145.635	165.325	169.562	183.684

**Bảng 34. Phương án phát triển người tập luyện
TDTT TX giai đoạn 2025 - 2030-2035.**

TT	Năm Các chỉ tiêu	Chỉ tiêu			
		2020	2025	2030	2035
1	Người tập luyện TDTT thường xuyên (% dân số)	33	35	37	40
2	Gia đình thể thao (% tổng số hộ gia đình)	25	25	28	31
3	Lực lượng vũ trang tập luyện TDTT thường xuyên: - Quân đội - Công an (% số quân nhân)	95	100	100	100
		90	100	100	100
4	Quân nhân đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực (% số quân nhân)	80	90	100	100

**Bảng 35. Tỷ lệ người tập luyện TDTT
thường xuyên theo địa giới năm 2020 -2035.**

Quận, huyện	Năm	Chỉ tiêu			
		2020	2025	2030	2035
1	27.7	30	35	39	
2	23.5	26	31	35	
3	29.2	31	35	39	
4	26	28	31	35	
5	27.5	30	35	39	
6	25	27.5	33	37	
7	25.9	28	31	35	
8	26.2	28	31	35	
9	23.5	26	32	35	
10	28.7	30	35	39	
11	27.6	30	35	39	
12	26	28	32	36	
Bình Chánh	23.8	26	32	35	

Bình Tân	23.7	26	32	35
Bình Thạnh	28.3	30	35	39
Phú Nhuận	28	30	35	39
Gò Vấp	31.4	32	35	38
Tân Bình	28.1	30	35	39
Tân Phú	26.1	28	32	36
Thủ Đức	24.6	27	32	36
Hóc Môn	23.3	26	29	33
Củ Chi	23.2	26	29	33
Nhà Bè	17.3	20	29	33
Cần Giờ	23.1	26	29	33
Trung bình	25,26	28	33	36

Bảng 36. Phương án phát triển và phân bố người tập luyện TDTT TX theo đối tượng.

Đối tượng	Tỉ lệ NT TDTT TX (%)	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THEO GIAI ĐOẠN			
	Năm	2020	2025	2030	2035
Cán bộ - công nhân viên chức		10,4	10	9,3	9,0
Lực lượng vũ trang		60,1	57,3	54,2	52,3
Học sinh		21,6	23,2	26	28,4
Nông dân		1,0	0,6	0,5	0,3
Buôn bán, tự do		5,4	4,9	4,7	4,5
Các đối tượng khác		1,5	4	5,3	5,5

Bảng 37. Hệ thống thi đấu giải Thể thao

Nội dung	Năm			
	2020	2025	2030	2035
Đại Hội TDTT TP (4 năm/ lần)		2022	2026, 2030	2034
HKPD TP (4 năm/ lần)	x	2024	x	x
Hội thao 10-15 cuộc phối hợp với các ngành	17	25	27	30
Tổ chức hoạt động phối hợp khác	12	15-20	20-22	22-25
Hoạt động thể thao lễ hội	12	15-20	20	20-25

Bảng 38. Chỉ tiêu tập luyện TDTT chính khóa và ngoại khóa.

.TT	Các chỉ tiêu	Năm		
		2025	2030	2035
1	Tỷ lệ học sinh, sinh viên tập luyện TDTT chính khóa (%)			
	- Mẫu giáo	100	100	100
	- Tiểu học	100	100	100
	- Trung học cơ sở	100	100	100
	- Trung học phổ thông	100	100	100
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	100	100	100
2	Tỷ lệ học sinh, sinh viên tập luyện TDTT ngoại khóa (%)			
	- Tiểu học	99	100	100
	- Trung học cơ sở	99	100	100
	- Trung học phổ thông	99	100	100
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	99	100	100
3	Tỷ lệ số trường thực hiện GDTC và TT đạt mức độ tốt (%)			
	- Mẫu giáo	50	65	>90
	- Tiểu học	50	80	>90
	- Trung học cơ sở	55	85	>90
	- Trung học phổ thông	55	85	>90
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	70	90	>90
4	Diện tích đất dành cho TDTT (m ² /hs, sv)			

	- Tiểu học	1	1,5	2
	- Trung học cơ sở	1,8	2	2,5
	- Trung học phổ thông	2	2,5	3
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	2	3	4
5	Tỷ lệ giáo viên TĐTT (giáo viên/số học sinh, sinh viên)			
	- Tiểu học	1/400	1/300	1/200
	- Trung học cơ sở	1/300	1/250	1/200
	- Trung học phổ thông	1/200	1/180	1/150
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	1/380	1/250	1/200

Bảng 39. Chỉ tiêu phát triển lực lượng vận động viên thành tích cao, huấn luyện viên, trọng tài

TT	Năm	Các chỉ tiêu			
		2020	2025	2030	2035
A	Vận động viên	1.929	2.020	2.832	3.282
1	Số lượng VĐV đội tuyển (tuyển dự tuyển và năng khiếu tập trung)	908	950	1.332	1.544
2	Số lượng VĐV trẻ (tuyển năng khiếu dự bị tập trung)	686	720	1.010	1.170
3	Số lượng VĐV năng khiếu (tuyển năng khiếu trọng điểm)	335	350	490	568
4	Số lượng VĐV năng khiếu hệ thống Q - H.	1.556	1.600	1.550	1.550
B	Huấn luyện viên				
1	Huấn luyện viên các cấp	531	558	647	825
2	Huấn luyện viên đội tuyển	228	240	280	357
	Huấn luyện viên trẻ	141	148	170	217
	Huấn luyện viên năng khiếu	162	170	197	251
3	Huấn luyện viên chuyên nghiệp		25	35	45
C	Trọng tài				
1	Trọng tài cấp quốc gia	80	120	150	180
2	Trọng tài cấp quốc tế	25	40	70	100

Bảng 40. Các môn thể thao chuyên nghiệp gắn liền với hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng, quảng cáo do xã hội đầu tư.

TT	Năm Các chỉ tiêu	2020	2025	2030	2035
		A	Vận động viên	1.929	2.020
1	Số lượng VĐV đội tuyển (tuyển dự tuyển và năng khiếu tập trung)	908	950	1.332	1.544
2	Số lượng VĐV trẻ (tuyển năng khiếu dự bị tập trung)	686	720	1.010	1.170
3	Số lượng VĐV năng khiếu (tuyển năng khiếu trọng điểm)	335	350	490	568
4	Số lượng VĐV năng khiếu hệ thống Q - H.	1.556	1.600	1.550	1.550
B	Huấn luyện viên				
1	Huấn luyện viên các cấp	531	558	647	825
2	Huấn luyện viên đội tuyển	228	240	280	357
	Huấn luyện viên trẻ	141	148	170	217
	Huấn luyện viên năng khiếu	162	170	197	251
3	Huấn luyện viên chuyên nghiệp		25	35	45
C	Trọng tài				
1	Trọng tài cấp quốc gia	80	120	150	180
2	Trọng tài cấp quốc tế	25	40	70	100
Môn thể thao	Giai đoạn				
	2020 - 2025	2025 - 2030	2035		
Bóng đá	x	x	x		
Bóng chuyền	x	x	x		
Xe đạp	-	x	x		
Quần vợt	-	x	x		
Cầu lông	-	x	x		
Cờ vua	-	x	x		

Bảng 41: Các môn thể thao chuyên nghiệp gắn liền với hoạt động giải trí do xã hội đầu tư

Môn thể thao	Giai đoạn		
	2020 - 2025	2025 - 2030	2035
Bóng chày	x	x	x
Thuyền buồm	-	x	x
Leo núi	x	x	x
Roller Sport	x	x	x
Dance Sport	-	x	x
Billiard	x	x	x
Golf	x	x	x
Bowling	x	x	x
Dù lượn	x	X	x

Bảng 42. Chỉ tiêu về thành tích và số lượng vận động viên tham dự các đại hội TDTT

TT	Thành tích Đại hội thể thao	Huy chương vàng	Số lượng VĐV
I	Đại hội TDTT toàn quốc		
1	Đại hội TDTT toàn quốc 2022	100-120	800-1000
2	Đại hội TDTT toàn quốc 2026	110-130	1000-1200
3	Đại hội TDTT toàn quốc 2030	120-140	1000-1300
4	Đại hội TDTT toàn quốc 2034	130-150	1000-1400
II	SEA Games		
1	SEA Games 2021	30-35	300-350
2	SEA Games 2023	30-35	300-350
3	SEA Games 2025	30-35	300-350
4	SEA Games 2027	30-35	300-350
5	SEA Games 2029	30-35	300-350
6	SEA Games 2031	30-35	300-350
7	SEA Games 2033	30-35	300-350
8	SEA Games 2035	30-35	300-350
III	ASIAD		

2	ASIAD 2023	3-5	40-50
3	ASIAD 2027	3-5	40-50
	ASIAD 2031	3-5	40-50
	ASIAD 2035	3-5	40-50
IV	Olympic		
1	Olympic 2024	1-2	15-20
2	Olympic 2028	1	10-15
3	Olympic 2032	1-2	15-20

Bảng 43. Chỉ tiêu về đẳng cấp VĐV thành tích cao

Chỉ tiêu	Năm		
	2025	2030	2035
Số lượng VĐV thành tích cao	3282	3430	3750
Kiến tướng	526	660	710
Cấp I	587	605	630

Bảng 44: Quỹ đất dành cho TDTT đến năm 2035

Nội dung	Năm		
	2025	2030	2035
Dân số (người)	9.5 triệu	10 triệu	10.5 triệu
Chỉ tiêu người tập luyện TDTT thường xuyên (%)	35%	37%	40%
Dự báo số lượng người tập luyện TDTT thường xuyên (người - làm tròn)	3 triệu	3.5 triệu	4 triệu
Chỉ tiêu đất (m ² /người)	2,6m ²	3,0m ²	3,2m ²
Quỹ đất (ha)			

Bảng 45: Quỹ đất dành cho TDTT ở các quận, huyện (m²/người dân).

Tên công trình	(m ²)
Quận 1	
Nhà thi đấu Nguyễn Du	10.000
CLB thể thao đa năng Nguyễn Du	2.126
CLB Tao Đàn	14.394
CLB Bơi Lội Nguyễn Bình Khiêm	2.904
Quận 2	

Trung tâm TDTT Quận 2	980
CLB Bơi lội An Phú	3.739
Khu TDTT Quận 2	
CLB TDTT Thảo Điền	
Quận 3	
Trung tâm TDTT Hồ Xuân Hương	4.896
CLB 193/1C Nam Kỳ Khởi Nghĩa	740
Hồ Bơi Kỳ Đồng	3.704
Quận 4	
Nhà thi đấu, tập luyện Vân Đồn	10.800
Hồ Bơi Vân Đồn	1.500
Sân bóng đá Khánh Hội	7.000
Khu thể thao khu công viên Khánh Hội	
Quận 5	
Trung tâm TDTT Quận (CLB Tinh Võ)	2.000
CLB Bơi lội Lam Sơn	5.717
CLB thể thao Lê Hồng Phong	642
CLB Lệ Chí	520
Công trình TDTT (Trường ĐH Sư Phạm TDTT)	
Quận 6	
Nhà thi đấu Quận 6	4.500
Sân Bóng đá Quận 6	19.500
CLB đa môn Hương Bình	895
CLB Bơi lội Phú Lâm	2.455
Quận 7	
Trung tâm TDTT Quận 7	1.448
Trung tâm TDTT Quận 7 - Cơ sở 2	9.012
Sân vận động Quận 7	32.449
Quận 8	
Trung tâm TDTT Quận 8	33.000
Hồ Bơi Quận 8	
Quận 9	

Trung tâm TDTT Quận 9	45.242
CLB Bóng đá Phước Long A	10.000
Sân vận động Long Phước	10.000
Quận 10	
Nhà thi đấu và tập luyện Nguyễn Tri Phương	2.505
CLB Nguyễn Tri Phương	2.516
CLB Bơi lội Nguyễn Tri Phương	6.897
Sân vận động Kỳ Hòa	7.000
Sân Bi sắt (C30)	
Quận 11	
Nhà thi đấu Lãnh Binh Thăng	6.300
Khu TDTT phường 3, Quận 11	
Quận 12	
Nhà thi đấu đa năng TDTT Quận 12	5.550
Sân Bóng đá Cây Sộp 1(ngoài công lập)	9.100
Sân Bóng đá Cây Sộp 3 (ngoài công lập)	9.680
Nhà thi đấu Quận (phường Hiệp Thành)	
Quận Bình Thạnh	
Trung tâm TDTT Quận Bình Thạnh	27.157
Hồ Bơi Đại Đồng	3.142
CLB Quần Vợt Gia Định	7.500
Khu TDTT 44 đường D3 (phường 25)	29.000
CLB Li Đò (290 Nơ Trang Long, P.12)	4.000
Quận Gò Vấp	
Trung tâm TDTT Quận Gò Vấp	20.026
Hồ Bơi Quận Gò Vấp	3.447
Quận Phú Nhuận	
Trung tâm TDTT Quận Phú Nhuận	5.429
Nhà thi đấu và hồ bơi Rạch Miễu	17.000
CLB TDTT Chi Lăng	800
CLB Bóng đá Phú Nhuận	16.000
CLB TDTT học đường phường 10	2.476

Quận Tân Bình	
Trung tâm VH-TDTT Quận Tân Bình	32.402
CLB Bơi lội Cộng Hòa	3.000
CLB Bàu Cát	10.951
CLB thể thao 2 tháng 9	2.045
CLB thể thao Lý Thường Kiệt	1.594
Quận Tân Phú	
Trung tâm VH-TDTT Quận Tân Phú	1.379
CLB thể thao Tây Thạnh	10.917
Khu TDTT Công viên Tân Thắng	
Quận Thủ Đức	
Trung tâm TDTT Quận Thủ Đức	11.000
Trung tâm TDTT Quận (phường Tam Phú)	
Sân Bóng đá Linh Xuân	10.800
Nhà VH-TT phường Bình Chiểu	7.966
Nhà VH-TT phường Hiệp Bình Phước	6.174
Nhà VH-TT phường Hiệp Bình Chánh	4.991
Nhà VH-TT phường Linh Trung	10.300
Hồ Bơi thiếu nhi Quận	1.200
Hồ Bơi Quốc tế	600
CLB Hiệp Bình Phước	1.500
Động Đình Hồ	1.000
Quận Bình Tân	
Trung tâm VH-TDTT	3.260
CLB thể thao Quận và công viên	24.790
Trung tâm VHTT liên phường Tân Tạo A	3.600
Trung tâm VHTT liên phường Bình Trị Đông	5.400
Trung tâm VHTT liên phường Bình Hưng Hòa A	2.600
Huyện Bình Chánh	
CLB VH-TDTT liên xã Hưng Long	10.790
CLB VH-TDTT liên xã Vĩnh Lộc A	16.283
CLB VH-TDTT huyện	31.238

CLB Bơi lội Bình Chánh	10.000
Sân vận động Thành Long (ngoài công lập)	113.500
Huyện Cần Giờ	
Trung tâm TDTT huyện Cần Giờ	2.600
Sân bóng đá xã Long Hòa	10.656
Nhà VHTT xã Tam Thôn Hiệp	10.214
Sân Bóng đá Xã Thạnh An	3.200
Sân Bóng đá xã Lý Nhơn	30.000
Huyện Củ Chi	
Sân vận động huyện Củ Chi	14.805
Hồ Bơi Ấp Hậu	180
Trung tâm VHTT xã Tân Thông Hội (ấp Tân Tiến)	11.000
Nhà văn hóa xã Thái Mỹ	11.574
Nhà văn hóa cụm An Nhơn Tây	7.983
Huyện Hóc Môn	
CLB TDTT huyện Hóc Môn	1.136
CLB VH TDTT Xuân Thới Thượng	12.223
Sân Bóng đá Thới Tứ	23.652
Sân Bóng đá Tân Xuân	7.856
Sân Bóng đá Đông Thạnh	10.100
Huyện Nhà Bè	
Trung tâm TDTT huyện Nhà Bè (ấp 1 xã Phú Xuân)	

Bảng 46. Các công trình TDTT cấp Thành phố.

TT	Tên công trình	(m ²)
1	Trung tâm TDTT dưới nước Yết Kiêu	8.753
2	Trung tâm TDTT Hoa Lư	22.000
3	CLB Thể thao Trần Hưng Đạo	2.374
4	Khu liên hợp TDTT rạch Chiếc (dự kiến)	1.800.000
5	Trung tâm TDTT Phan Đình Phùng (dự kiến)	15.465
6	Sân vận động Thống Nhất	36.540
7	Trung tâm huấn luyện và thi đấu Thành phố	253.000
8	Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ	47.759

9	Nhà tập luyện TT Phú Thọ	18.149
10	CLB Bơi lội Phú Thọ	14.000
11	CLB Quần vợt Phú Thọ (thuộc CLB Bơi lội Phú Thọ)	18.894
12	CLB Thể thao Thanh Đa	12.880
	Tổng	2.250.084

Bảng 47. Các công trình TDTT cấp quận, huyện

Tên công trình	Năm	Hiện trạng (m ²)	2025	2030	2035	Ghi chú
Quận 1		29.424	29.424	29.424	29.424	
Nhà thi đấu Nguyễn Du		10.000	10.000	10.000	10.000	
CLB thể thao đa môn Nguyễn Du		2.126	2.126	2.126	2.126	
CLB Tao Đàn		14.394	14.394	14.394	14.394	
CLB bơi lội Nguyễn Bình Khiêm		2.904	2.904	2.904	2.904	
Quận 2			4.719	56.239	56.239	
Trung tâm TDTT Quận 2		980	980	0	0	
CLB bơi lội An Phú		3.739	3.739	3.739	3.739	
Khu TDTT quận 2				30.000	30.000	
CLB TDTT Thảo Điền				22.500	22.500	
Quận 3		9.340	9.340	9.340	9.340	
Trung tâm TDTT Hồ Xuân Hương		4.896	4.896	4.896	4.896	
CLB 193/1C Nam Kỳ Khởi Nghĩa		740	740	740	740	
Hồ bơi Kỳ Đồng		3.704	3.704	3.704	3.704	
Quận 4		19.300	43.600	43.600	43.600	
Nhà thi đấu, tập luyện Vân Đồn		10.800	10.800	10.800	10.800	
Hồ bơi Vân Đồn		1.500	1.500	1.500	1.500	
Sân bóng đá Khánh Hội		7.000	7.000	7.000	7.000	
Khu Thể thao Khu công viên Hồ Khánh Hội			24.300	24.300	24.300	
Quận 5		8.879	8.879	17.737	17.737	
Trung tâm TDTT Quận (CLB Tinh Võ)		2.000	2.000	2.000	2.000	
CLB bơi lội Lam Sơn		5.717	5.717	5.717	5.717	
CLB thể thao Lê Hồng Phong		642	642	642	642	
CLB Lê Chí		520	520	520	520	

Công trình TDTT (Trường ĐH Sư phạm TDTT)			8.858	8.858	
Quận 6	27.350	27.350	27.350	27.350	
Nhà thi đấu quận 6	4.500	4.500	4.500	4.500	
Sân bóng đá quận 6	19.500	19.500	19.500	19.500	
CLB đa môn Hương Bình	895	895	895	895	
CLB bơi lội Phú Lâm	2.455	2.455	2.455	2.455	
Quận 7	75.909	75.909	75.511	75.511	
Trung tâm TDTT quận 7	1.448	1.448	0	0	
Trung tâm TDTT quận 7 - cơ sở 2	9.012	9.012	9.012	9.012	
Sân vận động quận 7	32.449	32.449	32.449	32.449	
Quận 8					
Trung tâm TDTT quận 8	33.000	33.000	33.000	33.000	
Hồ bơi Quận 8			1.050	1.050	
Quận 9	65.242	65.242	65.242	65.242	
Trung tâm TDTT quận 9	45.242	45.242	45.242	45.242	
CLB bóng đá Phước Long A	10.000	10.000	10.000	10.000	
Sân vận động Long Phước	10.000	10.000	10.000	10.000	
Quận 10	18.918	18.918	27.613	27.613	
Nhà thi đấu và tập luyện Nguyễn Tri Phương	2.505	2.505	3.200	3.200	
CLB Nguyễn Tri Phương	2.516	2.516	2.516	2.516	
CLB bơi lội Nguyễn Tri Phương	6.897	6.897	6.897	6.897	
Sân vận động Kỳ Hòa	7.000	7.000	7.000	7.000	
Sân Bi sắt (C30)			8.000	8.000	
Quận 11	6.300	10.300	10.300	10.300	
Nhà thi đấu Lãnh Binh Thăng	6.300	6.300	6.300	6.300	
Khu TDTT phường 3, quận 11		4.000	4.000	4.000	
Quận 12	24.970	24.970	77.970	77.970	
Trung tâm TDTT quận 12	6.190	6.190	6.190	6.190	
Sân bóng đá Cây Sộp 1 (ngoài công lập)	9.100	9.100	9.100	9.100	
Sân bóng đá Cây Sộp 3 (ngoài công lập)	9.680	9.680	9.680	9.680	

Nhà thi đấu quận (phường Hiệp Thành)			53.000	53.000	
Quận Bình Tân	39.070	39.070	39.070	39.070	
Trung tâm VH-TDTT quận Bình Tân	3.280	3.280	3.280	3.280	
CLB thể thao quận Bình Tân	24.790	24.790	24.790	24.790	
TT VH-TT liên phường Tân Tạo	6.000	6.000	6.000	6.000	
TT VH-TT liên phường Bình Trị Đông	3.000	3.000	3.000	3.000	
TT –VH-TT liên phường Bình Hưng Hòa A	2.000	2.000	2.000	2.000	
Quận Bình Thạnh	70.799	70.799	70.799	70.799	
Trung tâm TDTT quận Bình Thạnh	27.157	27.157	27.157	27.157	
Hồ bơi Đại Đồng	3.142	3.142	3.142	3.142	
CLB quần vợt Gia Định	7.500	7.500	7.500	7.500	
Khu TDTT 44 đường D3 (phường 25)	29.000	29.000	29.000	29.000	
CLB Li Đô (290 Nơ Trang Long, P.12)	4.000	4.000	4.000	4.000	
Quận Gò Vấp	23.473	23.473	23.473	23.473	
Trung tâm TDTT quận Gò Vấp	20.026	20.026	20.026	20.026	
Hồ bơi quận Gò Vấp	3.447	3.447	3.447	3.447	
Quận Phú Nhuận	41.705	41.705	36.276	36.276	
Trung tâm TDTT quận Phú Nhuận	5.429	5.429	0	0	
Nhà thi đấu và hồ bơi Rạch Miễu	17.000	17.000	17.000	17.000	
CLB TDTT Chi Lăng	800	800	800	800	
CLB bóng đá Phú Nhuận	16.000	16.000	16.000	16.000	
CLB TDTT học đường (phường 10)	2.476	2.476	2.476	2.476	
Quận Tân Bình	49.992	49.992	49.992	49.992	
Trung tâm VH-TDTT quận Tân Bình	32.402	32.402	32.402	32.402	
CLB bơi lội Cộng Hòa	3.000	3.000	3.000	3.000	
CLB thể thao Bà Cát	10.951	10.951	10.951	10.951	
CLB thể thao 2 tháng 9	2.045	2.045	2.045	2.045	
CLB thể thao Lý Thường Kiệt	1.594	1.594	1.594	1.594	
Quận Tân Phú	12.296	12.296	66.596	66.596	
Trung tâm VH-TDTT quận Tân Phú	1.379	1.379	1.379	1.379	
CLB thể thao Tây Thạnh	10.917	10.917	10.917	10.917	

Khu TDTT Công viên Tân Thắng			54.300	54.300	
Quận Thủ Đức	55.531	55.531	127.531	127.531	
Trung tâm TDTT quận Thủ Đức	11.000	11.000	11.000	11.000	
Trung tâm TDTT quận (phường Tam Phú)			72.000	72.000	
Sân bóng đá Linh Xuân	10.800	10.800	10.800	10.800	
Nhà VH-TT phường Bình Chiểu	7.966	7.966	7.966	7.966	
Nhà VH-TT phường Hiệp Bình Phước	6.174	6.174	6.174	6.174	
Nhà VH-TT phường Hiệp Bình Chánh	4.991	4.991	4.991	4.991	
Nhà VH-TT phường Linh Trung	10.300	10.300	10.300	10.300	
Hồ bơi nhà thiếu nhi quận	1.200	1.200	1.200	1.200	
Hồ bơi quốc tế	600	600	600	600	
CLB Hiệp Bình Phước	1.500	1.500	1.500	1.500	
Động Đình Hồ	1.000	1.000	1.000	1.000	
Huyện Bình Chánh	181.811	181.811	181.811	181.811	
CLB VH-TDTT liên xã Hưng Long	10.790	10.790	10.790	10.790	
CLB VH-TDTT liên xã Vĩnh Lộc A	16.283	16.283	16.283	16.283	
Trung tâm VH-TDTT huyện	31.238	31.238	31.238	31.238	
CLB bơi lội Bình Chánh	10.000	10.000	10.000	10.000	
Sân vận động Thành Long (ngoài công lập)	113.500	113.500	113.500	113.500	
Huyện Cần Giờ	56.670	56.670	56.670	56.670	
Trung tâm TDTT huyện Cần Giờ	2.600	2.600	2.600	2.600	
Sân bóng đá xã Long Hòa	10.656	10.656	10.656	10.656	
Nhà VH-TT xã Tam Thôn Hiệp	10.214	10.214	10.214	10.214	
Sân bóng đá xã Thạnh An	3.200	3.200	3.200	3.200	
Sân bóng đá xã Lý Nhơn	30.000	30.000	30.000	30.000	
Huyện Củ Chi	45.542	45.542	45.542	45.542	
Sân vận động huyện Củ Chi	14.805	14.805	14.805	14.805	
Hồ bơi Ấp Hậu	180	180	180	180	
TT VH-TT xã Tân Thông Hội (ấp Tân Tiến)	11.000	11.000	11.000	11.000	
Nhà Văn hóa xã Thái Mỹ	11.574	11.574	11.574	11.574	
NVH cụm An Nhơn Tây	7.983	7.983	7.983	7.983	

Huyện Học Môn	54.967	54.967	54.967	54.967	
CLB TDTT huyện Học Môn	1.136	1.136	1.136	1.136	
CLB VH-TDTT Xuân Thới Thượng	12.223	12.223	12.223	12.223	
Sân bóng đá Thới Tứ	23.652	23.652	23.652	23.652	
Sân bóng đá Tân Xuân	7.856	7.856	7.856	7.856	
Sân bóng đá Đông Thạnh	10.100	10.100	10.100	10.100	
Huyện Nhà Bè			40.000	40.000	
Trung tâm TDTT huyện Nhà Bè (áp 1 xã Phú Xuân)			40.000	40.000	

Bảng 48: Bảng kế hoạch phối hợp thực hiện xây dựng các đề án thành phần

STT	Tên đề án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Yêu cầu	Ghi chú
1	Đề án đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất của ngành thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	Sở VH và TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở TN - MT; Sở Xây dựng; Sở Quy hoạch Kiến trúc cùng các ban ngành đoàn thể	Tập trung rà soát, phân loại, đề xuất sắp xếp, nâng cấp và liên kết khai thác các cơ sở vật chất thể dục thể thao của Thành phố, của địa phương và các ngành để sử dụng có hiệu quả.	
2	Đề án phát triển xã hội hóa Thể dục thể thao.	Sở VH và TT; Các liên đoàn hiệp hội thể thao	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nội vụ Các sở ban ngành đoàn thể; Các tổ chức, các đơn vị, công ty, xí nghiệp, CLB,...	Tập trung huy động tất cả các nguồn lực để người dân cùng chính quyền Thành phố phát triển cơ sở vật chất thể dục thể thao, xây dựng cơ chế chính sách về xã hội hóa thể dục thể thao để triển khai thực hiện đúng pháp luật và đạt hiệu quả.	
3	Đề án phát triển các sự kiện thể dục thể thao	Sở VH và TT	Sở TN - MT cùng các sở ngành; UBND quận, huyện, thành phố.	Rà soát xây dựng các tiêu chí tiêu chuẩn, phân loại các loại hình tổ chức, quy mô, cấp độ, phân cấp đơn vị tổ chức quản lý, nội dung hình thức...	
4	Đề án phát triển các loại hình thể dục thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.	Sở VH và TT	Sở Tài chính; Sở GD - ĐT và các Trung tâm HLTT QG	Tập trung rà soát, điều chỉnh các môn, nhóm môn trọng điểm, mũi nhọn, truyền thống, xây dựng mô hình phát triển TTTTC & TTCN theo hướng quy chuẩn, hiện đại có	

				chất lượng, hiệu quả.	
5	Đề án phát triển thể dục thể thao trong trường học	Sở VH và TT	Sở GD - ĐT; Sở Y tế; Sở KH - CN và UBND quận, huyện, thành phố cùng các Sở ngành liên quan	Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, hoàn thiện chương trình GDTC nội khóa, nội khóa tự chọn, ngoại khóa, xây dựng môn hình phát triển CLB TT Trường học theo hướng quy chuẩn, hiện đại có chất lượng, hiệu quả. Phát hiện bồi dưỡng đào tạo tài năng	
6	Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của các liên đoàn, hiệp hội.	Sở VH và TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nội vụ Sở TT - TT cùng các sở ban ngành đoàn thể; Các tổ chức, các đơn vị, công ty, xí nghiệp, CLB,...	Xây dựng , hoàn thiện cơ chế chính sách, các quy chế, quy định thông thoáng, trong đó nội dung, hình thức hoạt động phải thiết thực, hiệu quả, tự chủ và sáng tạo trên cơ sở có sự tham gia của các nhà tài trợ	
7	Đề án hợp tác quốc tế về phát triển ngành thể dục thể thao.	Sở VH và TT	Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch Đầu tư và các Trường, Viện, Trung tâm HLTT QG...	Rà soát điều chỉnh xác định, các loại hình, môn thể thao thể mạnh, đặc thù (Thể thao giải trí, thể thao sức khỏe, thể thao mạo hiểm... các mô hình phát triển TTTTC & TTCN chất lượng, hiệu quả, trong đó tập trung trao đổi về chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo huấn luyện, hỗ trợ cơ sở vật chất, hoạt động giao lưu ở nhiều cấp độ và kêu gọi đầu tư	
8	Đề án xây dựng chính sách đào tạo nhân tài thể dục thể thao	Sở VH và TT	Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Sở GD - ĐT; Sở KH - CN và các Trung tâm HLTT QG, Trường, Viện..	Hoàn thiện cơ chế chính sách đặc thù, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, phân loại theo quy chuẩn kiểm định, kết hợp quy trình tuyển chọn công nghệ đào tạo chất lượng tiên tiến hiện đại.	

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng